

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	iv
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất.....	1
2. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất.....	1
2.1. Căn cứ pháp lý.....	1
2.2. Các văn bản tài liệu liên quan đến kế hoạch sử dụng đất.....	2
3. Mục tiêu lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	4
4. Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	5
5. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất.....	5
6. Phạm vi nghiên cứu.....	6
7. Tổ chức thực hiện.....	6
8. Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành.....	7
I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....	8
1.1 Đánh giá điều kiện tự nhiên.....	8
1.1.1. Vị trí địa lý.....	8
1.1.2. Địa hình.....	8
1.1.3. Khí hậu.....	9
1.1.4. Thủy văn.....	9
1.1.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên.....	9
1.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.....	10
1.2.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu.....	10
1.2.2. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu.....	12
1.2.3. Đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế, xã hội năm 2024.....	18
- Tình hình giải quyết hồ sơ liên quan đến đất đai còn chậm, nhất là thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.....	19
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	20
2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024.....	20
2.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	29
2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện công tác thu hồi đất trong năm 2024	29

2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	32
2.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án.....	35
2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong sử dụng đất.....	40
2.3.1. Hiệu quả kinh tế	40
2.3.2. Hiệu quả xã hội	40
2.3.3. Hiệu quả môi trường	41
2.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học và giải pháp khắc phục trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	41
2.4.1 Đánh giá những mặt được.....	41
2.4.2 Những tồn tại.....	41
2.4.3. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục trong việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	43
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	44
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	44
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	47
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	47
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	53
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	56
3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	77
3.5. Diện tích cần thu hồi.....	77
3.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	77
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	77
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	78
3.8.1. Căn cứ pháp lý ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai ...	78
3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	79
3.8.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	79
V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	83
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	83
4.1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.....	83
4.1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường	83
4.2. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	84
4.2.1. Giải pháp về tuyên truyền	84

4.2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	85
4.2.3. Giải pháp về chính sách	85
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	86
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	87
1. Kết luận.....	87
2. Kiến nghị	87

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

UBND:	Ủy ban nhân dân
NQ:	Nghị quyết
KH:	Kế hoạch
HTX:	Hợp tác xã
THT:	Tổ hợp tác
CN -TTCN:	Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp
THCS:	Trung học cơ sở
THPT:	Trung học phổ thông
TH:	Tiểu học
NTM:	Nông thôn mới
DN	Doanh nghiệp

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024.....	20
Bảng 2: Kết quả thực hiện công tác thu hồi đất năm 2024	29
Bảng 3: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	32
Bảng 4. Tổng hợp kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024.....	35
Bảng 5: Các công trình, dự án đã hoàn thành	37
Bảng 6: Các công trình, dự án đang triển khai thực hiện	37
Bảng 7: Các công trình chưa thực hiện, đang thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2025.....	38
Bảng 8: Các công trình chưa thực hiện nhưng không chuyển tiếp sang năm 2025.....	39
Bảng 9: Chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Châu Thành	44
Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	47
Bảng 11: Các công trình chưa hoàn thành trong năm 2024	50
Bảng 12: Các công trình không chuyển tiếp sang năm 2025	51
Bảng 13: Các công trình đang thực hiện, chưa hoàn thành trong năm 2024 chuyển sang năm 2025.....	52
Bảng 14: Các công trình đăng ký mới năm 2025	53
Bảng 15: Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2025	56
Bảng 16: Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành	56
Bảng 17: Chỉ tiêu sử dụng đất lúa trong năm 2025 theo hồ sơ địa chính	59
Bảng 18: Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2025	63
Bảng 19: Công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện trong năm 2025	64
Bảng 20: Công trình, dự án đất cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện trong năm 2025	66
Bảng 21: Đăng ký nhu cầu đất thương mại - dịch vụ	69
Bảng 22: Danh sách đăng ký nhu cầu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.....	70
Bảng 23: Công trình, dự án đất giao thông thực hiện trong năm 2025	71
Bảng 24: Công trình, dự án đất công trình năng lượng thực hiện trong năm 2025	74
Bảng 25: Công trình, dự án đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng thực hiện trong năm 2025.....	75
Bảng 26: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án	78
Bảng 27: Tính toán và cân đối thu chi từ đất.....	81

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò phân bổ quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của cả nước và các địa phương. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã và đang đảm bảo quản lý, phân bổ nguồn tài nguyên hữu hạn cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, cho các ngành, lĩnh vực nói riêng và gìn giữ cho thế hệ mai sau. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy trình lập, thẩm định, phê duyệt được quy định chặt chẽ trong luật đất đai, cùng với công tác thống kê, kiểm kê đất đai, điều tra, đánh giá đất là những công cụ có tính thống nhất để quản lý nhà nước về đất đai. Cụ thể, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất;... cũng là cơ sở để định hướng cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đầu tư có hiệu quả vào đất đai.

Bên cạnh đó, Kế hoạch sử dụng đất là việc phân kỳ quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện. Nội dung thực hiện của Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện bao gồm xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch và được xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã; Danh mục các công trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; công trình ngầm, công trình trên không mà không có cùng mục đích với mục đích sử dụng đất tầng bề mặt; diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi và phải được xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích đến từng thửa đất trên bản đồ địa chính; Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép trong năm kế hoạch đến từng thửa đất trên bản đồ địa chính.

Nhận thấy tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn hiện nay cũng như việc chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Luật Đất đai và Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”, UBND huyện Châu Thành tiến hành thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 với sự tư vấn của Văn phòng Đăng ký đất đai Bến Tre, trình UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt, làm cơ sở pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất hàng năm của các cấp, ngành, lĩnh vực, góp phần quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai trên địa bàn huyện.

2. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất

2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2023, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21/04/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa;
- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Thông tư 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.2. Các văn bản tài liệu liên quan đến kế hoạch sử dụng đất

- Nghị quyết số 69/2019/NQ-CP ngày 13/09/2019 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng

cao chất lượng;

- Nghị quyết số 724/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị trấn Tiên Thủy thuộc huyện Châu Thành, thị trấn Tiệm Tôm thuộc huyện Ba Tri và thị trấn Phước Mỹ Trung thuộc huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;

- Nghị quyết 1237/2024/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025;

- Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Bến Tre về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2023;

- Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Châu Thành;

- Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Bến Tre về việc thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2024;

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Bến Tre về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2024;

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2024;

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2024;

- Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Bến Tre.

- Công văn số 1116/UBND-KT ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; đẩy nhanh tiến độ lập, trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;

- Công văn số 544/UBND-KT ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt chủ trương lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện Châu Thành;

- Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre;

- Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025

- Nghị quyết số 38/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025;

- Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025;

- Bản đồ địa chính tỉ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000 huyện Châu Thành;

- Báo cáo và Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre;

- Báo cáo và Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre;

- Báo cáo kết quả thống kê năm 2023 huyện Châu Thành; danh sách các trường hợp biến động sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành;

- Nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của các ngành, lĩnh vực, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đã đăng ký trên địa bàn huyện Châu Thành.

3. Mục tiêu lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Đánh giá đúng tình hình quản lý, hiện trạng sử dụng đất và những biến động đất đai năm 2024 của huyện; phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của huyện Châu Thành.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân làm căn cứ đề xuất việc khoanh định, phân bổ quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển

kinh tế - xã hội đến từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa huyện trong năm 2025;

- Đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại - nguyên nhân tồn tại trong công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Từ đó giúp cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất trở nên chặt chẽ, kế hoạch hóa việc giao đất, cho thuê, thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất trên toàn địa bàn huyện;

- Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất trong năm kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2025.

4. Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa;
- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024;
- Xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện trong năm kế hoạch 2025;
- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi đối với các công trình được quy định tại khoản 4 Điều 67, Điều 78 và Điều 79 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;
- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước theo quy định tại Điều 116, 120 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;
- Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025;
- Giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

5. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất

- Phương pháp điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa: phương pháp này được thực hiện kết hợp giữa công tác thu thập thông tin (nội nghiệp), điều tra khảo sát thực địa (ngoại nghiệp) và tổng hợp, xử lý các thông tin thu thập:

- + Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu bao gồm: Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực xác định và đề xuất; Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định; Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được.

- + Điều tra, khảo sát thực địa bao gồm: Xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa; Điều tra, khảo sát thực

địa; Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

+ Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu; Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu; Hội thảo thống nhất kết quả điều tra, thông tin, tài liệu thu thập.

- Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích: Trên cơ sở bản đồ, số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân loại theo nhóm, thống kê diện tích theo từng loại đất cho từng công trình đã thực hiện, chưa thực hiện hoặc hủy bỏ theo kế hoạch đã được duyệt; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện kế hoạch năm 2024; So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025;

- Phương pháp chuyên gia: Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp của đại diện Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, lãnh đạo các phòng, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; lấy ý kiến đóng góp bằng văn bản đến Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Phương pháp kế thừa: Phân tích các tài liệu đã có trên địa bàn huyện, quy hoạch của các ngành đã và đang được xây dựng có liên quan đến việc sử dụng đất để nhận định quy luật phát triển, biến động đất đai; đồng thời tiếp tục đưa vào kế hoạch những công trình chưa thực hiện nhưng phù hợp với kinh tế - xã hội của huyện;

- Phương pháp dự báo: dự báo nhu cầu sử dụng đất đối với từng loại đất;

- Phương pháp bản đồ: Sử dụng phần mềm bản đồ MicroStation để xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

6. Phạm vi nghiên cứu

Dự án nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng đất cho toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện là 22.488,75 ha với các nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp và chưa sử dụng.

Dự án được xây dựng đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn trong năm 2025.

7. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Châu Thành.

- Cơ quan đại diện chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành.

- Cơ quan tư vấn, thực hiện: Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Cơ quan thẩm định báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

8. Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành

Hồ sơ sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành (bản in trên giấy và bản dạng số), gồm có:

1. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành.
2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành;
3. Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành theo hệ tọa độ VN 2000, tỷ lệ 1/25.000 và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

1.1 Đánh giá điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Châu Thành là huyện cửa ngõ đối ngoại của tỉnh Bến Tre, gồm hai phần đất nằm trên hai cù lao là cù lao Bảo và cù lao An Hóa, được bao bọc và chia cắt bởi ba trong chín nhánh của sông Cửu Long là sông Tiền, sông Ba Lai và sông Hàm Luông. Địa giới hành chính của huyện được giới hạn như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Tiền Giang (ranh giới là sông Tiền).
- Phía Nam giáp huyện Chợ Lách, huyện Mỏ Cày Bắc và thành phố Bến Tre.
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Chợ Lách (ranh giới sông Hàm Luông).
- Phía Đông – Đông Nam giáp huyện Bình Đại và huyện Giồng Trôm.

Huyện có 16 đơn vị hành chính, gồm 02 thị trấn và 14 xã (theo Nghị quyết 1237/ NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025). Thị trấn Châu Thành cách thành phố Bến Tre 08 km về phía Bắc, là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện và thị trấn Tiên Thủy được thành lập từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 trên cơ sở toàn bộ 18,23 km² diện tích của xã Tiên Thủy theo Nghị quyết số 724/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về việc thành lập thị trấn Tiên Thủy thuộc huyện Châu Thành, thị trấn Tiệm Tôm thuộc huyện Ba Tri và thị trấn Phước Mỹ Trung thuộc huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Với vị trí địa lý như trên, huyện Châu Thành có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế theo hướng tăng nhanh giá trị ngành dịch vụ thương mại, công nghiệp. Sự phát triển mạnh kinh tế của tỉnh theo hướng này sẽ nảy sinh nhu cầu về đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở dịch vụ và các khu, cụm công nghiệp yêu cầu công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất đai phải đáp ứng.

1.1.2. Địa hình

Địa hình huyện Châu Thành tương đối bằng phẳng, chênh lệch cao trình giữa vùng thấp nhất với vùng cao nhất chỉ vào khoảng 50 - 60 cm. Nhìn chung, địa hình huyện Châu Thành bằng phẳng là điều kiện thuận lợi để Châu Thành phát triển kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, ở vùng địa hình thấp thường xuyên bị ngập nước khi triều cường lên làm cho đất bị glây hóa mạnh (*đất glây là đất có tầng glây xuất hiện ở độ sâu 0 - 50 cm, có màu sắc đặc biệt: xanh, xám xanh hay xanh nhạt do màu của những chất tạo nên bởi Fe++ kết hợp với silic, nhôm, v.v... và có những vết rỉ sắt thường thấy theo đường rễ cây*) ảnh hưởng lớn đến năng suất và chất lượng cây trồng, thủy sản.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu trong năm chia làm hai mùa rõ rệt, mùa mưa có gió Tây - Tây Nam, xảy ra vào tháng 5 đến tháng 9, tốc độ gió trung bình 2,2 m/s; mùa khô có gió Bắc - Đông Bắc xảy ra vào tháng 10 đến tháng 4 năm sau, có tốc độ gió trung bình 2,4 m/s. Lượng mưa trung bình khoảng 1.460 mm, thuộc loại thấp so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nền nhiệt cao và ổn định, nhiệt độ trung bình trên địa bàn huyện khoảng 27,1°C. Trong các tháng mùa mưa, độ bốc hơi trung bình 4,3-4,6 mm/ngày; các tháng mùa khô khoảng 4,3-6,4 mm/ngày. Độ ẩm không khí tương đối cao, trung bình 79,12%, nguồn nước phong phú nên rất thích hợp cho việc phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện.

1.1.4. Thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện chịu sự tác động của thủy triều biển Đông thông qua sông Tiền, sông Hàm Luông và sông Ba Lai. Huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều, ngày lên xuống 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường sau ngày 01 và ngày 15 âm lịch và 2 lần triều kém sau ngày 7 và ngày 23 âm lịch, biên độ mỗi lần triều cường, triều kém kéo dài từ 2 - 3 ngày. Chế độ triều này đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên toàn địa bàn huyện thông qua các kênh rạch chi phối nguồn nước mặt trên toàn địa bàn.

1.1.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên

*** Lợi thế**

Huyện Châu Thành là huyện cửa ngõ của Tỉnh nằm trên trục giao thông quan trọng cả đường bộ lẫn đường thủy, đặc biệt là sau khi thông xe cầu Rạch Miễu, cầu Hàm Luông và tương lai là việc đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu 2 khoảng cách từ trung tâm huyện đến các thành phố lớn không xa nên có nhiều thuận lợi trong việc vận chuyển hàng hóa; giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội; cũng như việc đi lại của nhân dân đến tỉnh khác và các huyện lân cận trong khu vực.

Tài nguyên đất đai của huyện Châu Thành là đất phù sa châu thổ được bồi tụ bởi các nhánh sông chính của sông Cửu Long nên khá màu mỡ rất thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, với lợi thế cảnh quan miệt vườn quanh năm xanh tốt, sông nước thiên nhiên hữu tình, cây trái ra hoa kết quả quanh năm với mùa nào trái ấy; cùng các cù lao trên sông ở các xã Tân Thạch, Phú Túc, Tiên Thủy, Quới Sơn... huyện Châu Thành có điều kiện rất tốt để phát triển du lịch sinh thái miệt vườn, mang đậm nét văn hóa của con người vùng đất Châu Thành - Bến Tre.

*** Hạn chế**

Điều kiện tự nhiên trên địa bàn huyện ít có những thay đổi đáng kể, trong đó các yếu tố như: Địa hình, khí hậu, thủy văn,... có sự ổn định cao. Tuy nhiên, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn,.. làm cho một số tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn huyện Châu Thành bị nhiễm mặn dẫn đến việc

cung ứng nguồn nước ngọt phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đối với các khu vực trồng cây ăn trái, hoa màu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hiện tượng này có khả năng kéo dài và ngày càng diễn biến phức tạp hơn nên nguy cơ thiếu hụt nguồn nước ngọt phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cũng như phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân bị ảnh hưởng.

Bên cạnh đó, huyện Châu Thành là huyện cửa ngõ của tỉnh với tốc độ phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ cao thì vấn đề bảo vệ môi trường phải được quan tâm sâu sắc, đầu tư đúng và đủ trước tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng diễn ra phức tạp; các kịch bản cho thấy nguy cơ nước biển dâng ảnh hưởng rất lớn đến không gian sinh tồn và không gian sản xuất của khu vực.

1.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

1.2.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

*** Chỉ tiêu lĩnh vực kinh tế:**

- Giá trị sản xuất: Ước khu vực I là 4.634/4.545 tỷ đồng, đạt 101,96% chỉ tiêu NQ; khu vực II là 35.976/30.805 tỷ đồng, đạt 116,79% chỉ tiêu NQ (trong đó, công nghiệp là 35.917/28.785 tỷ đồng, đạt 124,78% chỉ tiêu NQ); khu vực III là 6.202/5.858 tỷ đồng, đạt 105,87% chỉ tiêu NQ.

- Tổng thu cân đối ngân sách ước thực hiện 927,079/633,286 tỷ đồng, đạt 146,39% chỉ tiêu NQ, trong đó thu ngân sách trên địa bàn 201,700/153 tỷ đồng, đạt 131,83% chỉ tiêu NQ.

- Tổng chi ngân sách ước thực hiện 884,403/633,286 tỷ đồng, đạt 139,65% chỉ tiêu NQ.

- Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước 5.120/5.000 tỷ đồng, đạt 102,40% chỉ tiêu NQ.

- Xây dựng 31,92/26,5km đường giao thông nông thôn, đạt 120,45% chỉ tiêu nghị quyết.

*** Chỉ tiêu về lĩnh vực môi trường:**

- Hộ sử dụng hệ thống cấp nước máy tập trung chiếm 93,70/93,50%, đạt 100,21% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đô thị 93,55/93%, đạt 100,59% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn 87,15/70%, đạt 124,50% chỉ tiêu NQ.

- Xây dựng xã nông thôn mới (NTM): Công nhận xã Tân Thạch đạt chuẩn NTM; đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM Giao Long, ước cuối năm 2024 công nhận xã giao Long đạt chuẩn NTM.

- Xã NTM nâng cao: Xã An Phước, Tường Đa đạt chuẩn NTM nâng cao; đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao Tam Phước, ước cuối năm 2024 công nhận xã Tam Phước đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Xã NTM kiểu mẫu: Đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu Thành Triệu, ước cuối năm 2024 công nhận xã Thành Triệu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Xây dựng đô thị văn minh: Thị trấn Châu Thành đạt chuẩn đô thị văn minh, thị trấn Tiên Thủy cơ bản đạt các tiêu chí đô thị văn minh.

- Xã Tân Phú đạt 58/63 tiêu chuẩn đô thị loại V, đủ điều kiện để công nhận.

- Huyện cơ bản hoàn thành các tiêu chí huyện NTM: Xây dựng 6/9 tiêu chí huyện NTM, ước cuối năm 2024 huyện cơ bản đạt 9/9 tiêu chí Huyện NTM.

- Thành lập mới 107 doanh nghiệp (DN), ước cuối năm 2024 thành lập mới 122/120 DN, đạt 101,67% chỉ tiêu NQ.

*** Chỉ tiêu lĩnh vực văn hóa – xã hội**

- Giải quyết việc làm cho 2.276/1.900 lao động, đạt 119,79% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72/70%, đạt 102,86% chỉ tiêu NQ.

- Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng 120/100 người, đạt 120% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,13/1,35%, đạt chỉ tiêu NQ.

- Đảm bảo bố trí 100% bác sĩ về khám bệnh ở tuyến xã, thị trấn (kể cả hỗ trợ).

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi (*chiều cao/tuổi*) duy trì ở mức dưới còn 5,42/5,97%, đạt chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân (kể các bác sĩ tư nhân) 8,02/8,02, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân 34/34%, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế 95,39/95%, đạt 100,41% chỉ tiêu NQ.

- Lao động trong độ tuổi tham gia Bảo hiểm xã hội 10,34/10,34%, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

- Tham gia Bảo hiểm thất nghiệp so lực lượng lao động 8,38/8,38%, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học bậc Tiểu học 0/0,20%, đạt chỉ tiêu NQ.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học bậc Trung học cơ sở 0,16/0,50%, đạt chỉ tiêu NQ.

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông 100/96%, đạt 104,17% chỉ tiêu NQ.

- Trẻ 05 tuổi ra Mẫu giáo, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

- Trẻ 06 tuổi vào lớp Một, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

*** Chỉ tiêu lĩnh vực quốc phòng – an ninh**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

- Tổ chức diễn tập A, A2, A4, phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại 6/6 xã, đạt 100% chỉ tiêu NQ.
- Huấn luyện các đối tượng 97,88/90%, đạt 108,76% chỉ tiêu NQ.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 1,50/1,50%, đạt 100% chỉ tiêu NQ.
- Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu NQ.
- Kéo giảm phạm pháp hình sự (*trừ tội phạm về ma túy*): Đạt (*giảm 6,59%*).
- Kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt: Đạt 1/3 mặt (*số vụ tăng 76,92%, số người chết tăng 80%, số người bị thương giảm 50%*).
- Tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự 97,06/80%, đạt 121,33% chỉ tiêu NQ.
- Giải quyết tin báo tố giác tội phạm 90,21/90%, đạt 100,22% chỉ tiêu NQ.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo/tổng số đơn thụ lý 100/90%, đạt 111,11% chỉ tiêu NQ.
- Hòa giải cơ sở thành 98,14/85%, đạt 115,46% chỉ tiêu NQ.
- Chính quyền cơ sở đạt trong sạch vững mạnh: Chưa đánh giá.

1.2.2. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu

*** Lĩnh vực kinh tế**

- *Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*
 - + Sản xuất nông nghiệp: Hoàn thiện nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện (dừa, bưởi, chôm chôm và sầu riêng) gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng cây ăn trái đặc sản, an toàn, có giá trị kinh tế cao.
 - + Chăn nuôi: Tình hình sinh trưởng, phát triển đàn vật nuôi ổn định. Theo dõi tình hình dịch bệnh động vật trên cạn; thực hiện tốt việc kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật xuất nhập trên địa bàn huyện.
 - + Thủy sản: Diện tích thả giống 300 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch, sản lượng 35.000 tấn.
- *Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*
 - Có 04 tổ hợp tác (THT) thành lập mới, lũy kế toàn huyện có 83 THT; thành lập mới 06 hợp tác xã (HTX), lũy kế toàn huyện có 25 HTX; các THT, HTX nông nghiệp tham gia xây dựng 03 vùng trồng với 04 mã số với diện tích 62,75 ha gắn với công ty, DN cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đầu ra cho thành viên. Tổ chức xây dựng 04 mô hình sản xuất theo hướng VietGAP với 90 ha (70 ha diện tích sầu riêng, 20 ha bưởi) tại các xã Tân Phú, Quới Thành, An Hiệp và thị trấn Tiên Thủy. Xây dựng được 33 mã vùng trồng với 38 mã số, diện tích 1.197,46 ha, lũy kế có 76 vùng trồng với 123 mã số, diện tích 2.174,82 ha.

- Tuyên truyền, vận động người dân tổ chức lại sản xuất, tham gia vào các chuỗi sản phẩm nông nghiệp thông qua các THT, HTX; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025.

- *Thủy lợi - phòng chống thiên tai*: Tập trung công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn huyện; công tác phòng, chống hạn mặn được tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, cùng với sự vận hành hiệu quả của hệ thống ngăn mặn, trữ ngọt nên hạn chế tối đa ảnh hưởng của xâm nhập mặn. Tình hình triều cường xuất hiện làm ảnh hưởng đến bờ kè, bờ bao; xuất hiện tình hình sạt lở nghiêm trọng tại một số địa phương: Quới Thành Tây, xã Quới Sơn với chiều dài khoảng 45 mét lấn sâu vào bờ 10 mét; bờ bao Khánh Hội Tây với chiều dài khoảng 30 mét lấn sâu vào bờ 5 mét; bờ bao Khánh Hội Đông với chiều dài khoảng 110 mét lấn sâu vào bờ 5 mét; bờ sông Giao Hòa khu vực Tổ nhân dân tự quản số 01, ấp Hòa Hưng Thạnh, xã Giao Long chiều dài khoảng 130 mét lấn sâu vào bờ 15 mét; bờ bao cồn Tiên Lợi khu vực Tổ NDTQ số 01, ấp Tiên Lợi, xã Tiên Long chiều dài khoảng 35 mét lấn sâu vào bờ 15 mét và sạt lở bờ bao cục bộ tại các xã Phú Túc, Tân Phú, Phú Đức, An Hóa...

- Chương trình xây dựng nông thôn mới: Công nhận xã Tân Thạch đạt chuẩn NTM; xã An Phước, Tường Đa đạt chuẩn NTM nâng cao; thị trấn Châu Thành đạt chuẩn đô thị văn minh, thị trấn Tiên Thủy cơ bản đạt các tiêu chí đô thị văn minh; đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM Giao Long, xã đạt chuẩn NTM nâng cao Tam Phước và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu Thành Triệu; xã Tân Phú đạt 58/63 tiêu chuẩn đô thị loại V, đủ điều kiện công nhận; xây dựng 6/9 tiêu chí huyện NTM, ước cuối năm 2024 huyện cơ bản đạt 9/9 tiêu chí Huyện NTM. Lũy kế cuối năm 2024, huyện được công nhận 19/19 xã Hữu Định, Quới Sơn, Thành Triệu, Phú Túc, An Phước, Tường Đa, An Hóa, An Hiệp, Sơn Hòa, Tân Phú, Phú An Hòa, Tam Phước, Tiên Long, Phú Đức, Phước Thạnh, Quới Thành, An Khánh, Tân Thạch và Giao Long đạt NTM; 07 Xã Quới Sơn, Phú Túc, Thành Triệu, Hữu Định, An Phước, Tường Đa và Tam Phước đạt NTM nâng cao và 03 xã Phú Túc, Hữu Định và Thành Triệu đạt NTM kiểu mẫu. Các xã, thị trấn tập trung tuyên truyền, vận động người dân tại địa phương cùng tham gia dọn dẹp cảnh quan môi trường, dọn dẹp các tuyến kênh, xây dựng giao thông nông thôn, xây dựng tuyến đường ánh sáng an ninh, vận động thu vốn đối ứng, xóa cầu tiêu trên ao cá, trồng cây xanh, trồng hoa trên các tuyến đường, tháo gỡ các bảng quảng cáo sai quy định ... với trên 11.605 lượt người tham gia, trong đó người dân chiếm 51% với tổng kinh phí thực hiện trên 873 triệu đồng.

- Sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

Sản lượng sản phẩm chủ yếu tập trung vào các ngành như: chế biến trái cây, sản xuất các mặt hàng từ dừa, may mặc, sản xuất bánh kẹo, mứt các loại chủ yếu phục vụ trong dịp Tết. Tỷ lệ hộ sử dụng điện trên địa bàn đạt 99,99%. Phát triển khu, cụm công nghiệp đến nay có 54 dự án còn hiệu lực trong 2 Khu công

nghiệp (KCN) Giao Long, KCN An Hiệp và Cụm công nghiệp (CCN) Long Phước. Trong đó, KCN Giao Long có 35 dự án, KCN An Hiệp có 16 dự án, tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích đất có khả năng cho thuê; CCN Long Phước có 03 dự án đầu tư.

- Thương mại, dịch vụ

+ *Hoạt động thương mại*: Diễn ra ổn định, lượng hàng hóa phong phú, đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu mua sắm của người dân nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024, không xảy ra tình trạng tăng giá đột biến, găm hàng. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam và đưa hàng Việt về nông thôn*”.

+ *Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm OCOP”*: Tiếp tục tuyên truyền, vận động chủ thể tham gia xúc tiến thương mại. Tổ chức trao giấy chứng nhận và chi thưởng cho 15 chủ thể OCOP đạt chứng nhận 3 sao. Thực hiện đánh giá đợt 1 năm 2024 đạt 06 sản phẩm, lũy kế toàn huyện có 67 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, trong đó có 21 sản phẩm đạt 4 sao, 46 sản phẩm đạt 3 sao.

+ *Hoạt động du lịch*: Hoạt động du lịch phát triển tốt, công tác quản lý Nhà nước về du lịch được tăng cường. Tổ chức thành công Tuần lễ Văn hóa - Du lịch huyện Châu Thành lần 2 - năm 2024, lượng khách tham quan, du lịch trong tuần lễ Văn hóa - Du lịch khoảng 96.000 lượt người, qua sự kiện Tuần lễ được Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chọn đề xuất là sự kiện tiêu biểu năm 2024; Lượng khách năm 2024 là 1.200.900/1.069.000 lượt, đạt 112,34% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 19,7% so cùng kỳ (trong đó khách quốc tế là 480.360/480.000 lượt, đạt 100,08% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 11,4% so cùng kỳ); tổng doanh thu từ khách du lịch là 1.140.000/1.134.000 triệu đồng, đạt 100,53% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 24,4% so cùng kỳ; tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số về lĩnh vực du lịch; ra mắt Tổ điều hành mô hình du lịch cộng đồng tại xã Tân Phú; hỗ trợ thực hiện dự án du lịch Vàm Hàm Long.

- Thu – chi ngân sách và ngân hàng

+ Dự toán thu, chi ngân sách được tập trung triển khai ngay từ đầu năm. Thu ngân sách cơ bản đáp ứng được nhu cầu chi lương và hoạt động thường xuyên của các đơn vị. Tổng thu cân đối ngân sách thực hiện 927,079 tỷ đồng, đạt 146,39% chỉ tiêu NQ; trong đó, thu ngân sách trên địa bàn là 201,700 tỷ đồng, đạt 131,83% chỉ tiêu NQ. Tổng chi ngân sách thực hiện là 884,403 tỷ đồng, đạt 139,65% chỉ tiêu NQ.

+ Thường xuyên tiếp cận và tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh (HKD), DN được vay vốn phục vụ cho sản xuất - kinh doanh. Dư nợ cho vay Chương trình NTM là 282 tỷ đồng với 1.267 lượt hộ vay; dư nợ cho vay Chương trình OCOP là 3,9 tỷ đồng với 01 lượt hộ vay; dư nợ cho vay DN là 101,7 tỷ đồng với 08 DN.

- Đầu tư phát triển và xây dựng kết cấu hạ tầng:

+ *Đầu tư phát triển*: Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển là 189.466 triệu đồng (trong đó, vốn trung ương 31.582 triệu đồng; vốn tỉnh 107.518 triệu đồng và vốn huyện 50.366 triệu đồng). Thực hiện giải ngân đạt 61,70%, phân đầu cuối năm giải ngân đạt trên 95% kế hoạch vốn.

+ *Hạ tầng giao thông*: Các tuyến đường giao thông được tiếp tục đầu tư thi công góp phần phát triển KTXH của địa phương. Xây dựng hoàn thành 31,92/26,5km đường giao thông nông thôn, đạt 120,45% chỉ tiêu NQ.

+ *Phát triển hệ thống điện, nước sinh hoạt*: Đảm bảo ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,99%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ hộ sử dụng hệ thống cấp nước máy tập trung 93,70/93,50%, đạt 100,21% chỉ tiêu NQ, số còn lại sử dụng nước clo lắng lọc.

+ *Xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch*: Tiến hành rà soát, điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch chung xây dựng các đô thị thị trấn Châu Thành, thị trấn Tiên Thủy, trung tâm xã Tân Thạch, Giao Long (xã Quới Sơn) và xã Tân Phú: đã thực hiện xong bước khảo sát địa hình, triển khai lựa chọn đơn vị tư vấn lập đồ án thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi. Trình Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị xã Tân Phú; các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các đô thị thị trấn Châu Thành, thị trấn Tiên Thủy và đô thị Giao Long (xã Quới Sơn) đã hoàn thành bước lập đồ án, dự kiến trình Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt trong giữa năm 2025. Trình phê duyệt dự toán chi tiết hạng mục quản lý nghiệp vụ quy hoạch và khảo sát địa hình Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Côn Tân Mỹ, dự kiến hoàn thành và trình UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2025. Đề xuất, xin chủ trương không thực hiện các dự án Khu đô thị mới cửa ngõ Bến Tre, Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành, Khu đô thị mới Ba Lai 2 thị trấn Châu Thành. Phối hợp Ban Quản lý dự án thiết chế công đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án nhà ở xã hội công đoàn tại Bến Tre. Trình phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện; quy hoạch chi tiết điểm dân cư trung tâm các xã Phú Túc, Thành Triệu, Tường Đa, An Phước, Giao Long.

- Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

+ *Công tác quản lý đất đai*: Tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ tiêu được phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất huyện Châu Thành thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ *Công tác quản lý môi trường*: Quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát sông trái phép; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế các tác động xấu của thiên tai. Thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, nâng tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đô thị và rác thải sinh hoạt nông thôn đạt tiêu chuẩn NTM.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

+ *Công tác bồi thường thiệt hại - giải phóng mặt bằng*: Các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện được tập trung chỉ đạo thực hiện. Có 09 công trình⁽¹⁾ với 693 hộ dân và 02 tổ chức bị ảnh hưởng; đã chi tiền bồi thường cho 623/693 hộ dân, 02/02 tổ chức với tổng số tiền 520.004.981.000/530.962.638.000 đồng, đạt tỷ lệ 97,94% số hộ đã được phê duyệt.

*** Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

- Giáo dục – đào tạo

+ Duy trì 100% xã, thị trấn và huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi; huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức 3. Tỷ lệ học sinh bỏ học bậc Tiểu học 0/0,20%, đạt chỉ tiêu NQ; tỷ lệ học sinh bỏ học bậc Trung học cơ sở 0,16/0,50%, đạt chỉ tiêu NQ. Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông 100/96%, đạt 104,17% chỉ tiêu NQ; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra Mẫu giáo và trẻ 6 tuổi vào lớp Một đạt 100% chỉ tiêu NQ; tỷ lệ tốt nghiệp của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện đạt 98,35%. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 5, lớp 9 (*năm học 2024-2025*). Thực hiện tốt công tác định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở; công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục; bố trí giáo viên giảng dạy đúng theo chuẩn năng lực quy định; công tác xã hội hóa giáo dục mầm non được quan tâm thực hiện tốt.

+ Quyết định tổ chức lại 50 trường học trên địa bàn huyện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân

Công tác khám chữa bệnh thực hiện 300.769 lượt. Phối hợp các ngành chức năng và các địa phương tăng cường kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, không để ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi (*chiều cao/tuổi*) còn 5,42/5,97%, đạt chỉ tiêu NQ. Tỷ lệ 8,02/8,02% bác sĩ/vạn dân, đạt 100% chỉ tiêu NQ; tỷ lệ 34/34% giường bệnh/vạn dân, đạt 99,94% chỉ tiêu NQ. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế 95,39/95%, đạt 100,41% chỉ tiêu NQ; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia Bảo hiểm xã hội đạt 10,34/10,34%, đạt 100% chỉ tiêu NQ và tỷ lệ tham gia tham gia Bảo hiểm thất nghiệp so lực lượng lao động 8,38/8,38%, đạt 100% chỉ tiêu NQ.

- Văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thanh

(1) Khu tái định cư Cầu Rạch Miễu 2 và Đường gom vào Cầu Rạch Miễu 2, huyện Châu Thành (giai đoạn 1); Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) Cụm công nghiệp Long Phước; Trạm 110kV An Hiệp và đường dây 110kV từ 220kV Bến Tre-110kV An Hiệp; Đường dây 110kV Giao Long -Phủ Thuận, tỉnh Bến Tre (địa bàn huyện Châu Thành); Đường từ cảng Giao Long đến KCN Phú Thuận (ĐT.ĐK.07) liên huyện Châu Thành -Bình Đại, tỉnh Bến Tre; Trường Tiểu học Tân Phú; Công Ba Xê, xã Tân Phú; Kè chống sạt lở bờ sông Giao Hòa, xã Giao Hòa, huyện Châu Thành và Công trình Cầu Rạch Miễu 2 nối liền Tiền Giang và Tỉnh Bến Tre (địa phận huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) và Đường gom đường vào Cầu Rạch Miễu 2.

+ Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phát triển, nâng chất các hoạt động văn hóa. Chỉ đạo tiếp tục tổ chức thực hiện Chỉ thị số 02-CT/HU, ngày 05/11/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, năm 2024 có 116/117 đạt 99,14 % ấp, khu phố đạt đạt chuẩn Ấp Văn hóa; 47.584/49.811 đạt 95,52% hộ Gia đình văn hóa; Tập trung xây dựng và công nhận Thị Trấn Châu Thành đạt chuẩn Đô thị văn minh; ước đến cuối năm thị trấn Tiên Thủy cơ bản đạt các tiêu chí Đô thị văn minh. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các ngày lễ, kỷ niệm lớn của địa phương và đất nước, đặc biệt là các hoạt động vui Xuân, đón tết và Lễ 30/4, 01/5, 02/9 được tổ chức tốt; phong trào thể dục thể thao cho mọi người ngày càng phát triển, toàn huyện có 24.468/58.256 số hộ gia đình đạt chuẩn gia đình thể thao đạt tỷ lệ 42%; số người luyện tập thể thao thường xuyên là 78.340/177.159 người đạt tỷ lệ 44,22%. Hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành 814-178 tăng cường kiểm tra, mở kế hoạch cao điểm kiểm tra các hoạt động văn hóa, du lịch, các cơ sở kinh doanh.

+ Kịp thời phối hợp với các ngành thông tin, tuyên truyền kịp thời các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật, kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương. củng cố, kiện toàn lực lượng tuyên truyền viên cơ sở; tham mưu nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin ở 100% ấp, khu phố.

- Lao động, việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội

Giải quyết việc làm cho 2.276/1.900 lao động, đạt 119,79% chỉ NQ; tỷ lệ lao động qua đào tạo 72/70%, đạt 102,86% chỉ tiêu NQ; đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng 120/100 lao động, đạt 120% chỉ tiêu NQ. Vận động xã hội hóa tặng quà cho hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn, bảo trợ xã hội, người cao tuổi, trẻ em, có 16.529 số lượt được tặng quà với tổng kinh phí là 4.198.458.000 đồng. So với Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, số lượt hộ được tặng quà tăng 1.349 lượt hộ, số tiền giảm là 865.312.000 đồng. Số hộ nghèo 651 hộ, tỷ lệ 1,13%, (*giảm 0,32% so với đầu năm 2024*); Số hộ cận nghèo 862 hộ, tỷ lệ 1,50% (*giảm 0,30% so với đầu năm 2024*).

- Công tác tôn giáo

Tổ chức tốt việc thăm, chúc tết các cơ sở thờ tự trên địa bàn; tổ chức họp mặt chức sắc, chức việc các tôn giáo nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024. Tình hình tôn giáo trên địa bàn ổn định, chức sắc, tín đồ các tôn giáo chấp hành và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như những quy định của địa phương; tham gia tốt các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội.

- Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

+ Lực lượng Công an, Quân sự phối hợp thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức diễn tập 06

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

xã, đạt 100% chỉ tiêu NQ; tổ chức huấn luyện các đối tượng 97,88/90%, đạt 108,76% chỉ tiêu NQ; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu NQ. Tổ chức lễ giao nhận quân với 201 thanh niên (*có 01 đảng viên*), đạt 100% chỉ tiêu được giao (*trong đó có 26 thanh niên nhập ngũ công an*). Tổ chức tốt “Tết quân dân” năm 2024.

+ Tình hình an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, an ninh tôn giáo, an ninh kinh tế, an ninh nông thôn cơ bản ổn định. Triển khai cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tăng cường công tác nắm tình hình, rà soát, tham mưu, đề xuất xử lý tốt các vụ, việc phát sinh, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ; công tác điều tra phá án được quan tâm chỉ đạo. Phạm pháp hình sự (trừ tội phạm về ma túy): xảy ra 85/91 vụ (*giảm 6,59%*). Tệ nạn xã hội phát hiện 45/40 vụ (*tăng 12,5%*), chủ yếu đánh bạc nhỏ lẻ và sử dụng trái phép chất ma túy. Tình hình trật tự, an toàn giao thông xảy ra 23/13 vụ (*tăng 76,92%*), chết 18/10 người (*tăng 80%*), bị thương 2/4 người (*giảm 50%*). Đấu tranh làm rõ 99/102 vụ phạm pháp hình sự, đạt 97,06/80%, đạt 121,33% chỉ tiêu NQ. Tiếp nhận, thụ lý 194 tin báo tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, tiến hành giải quyết (175/194 tin) 90,21/90%, đạt 100,23% chỉ tiêu NQ. Đã hoàn thành, đưa vào sử dụng 02 trụ sở Công an xã (*Quới Sơn, Tân Phú*), chuẩn bị xây dựng 04 trụ sở Công an xã (*Hữu Định, Tiên Long, Tân Thạch và Phú Túc*). Tổ chức triển khai thực hiện Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở

1.2.3. Đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế, xã hội năm 2024

Các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung cam kết trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ với Chủ tịch UBND huyện với tinh thần rất quyết tâm, quyết liệt, cụ thể, hiệu quả. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phát triển KTXH thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm; chủ động, linh hoạt, có trọng tâm; triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện; ban hành kịp thời các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Công tác thu ngân sách Nhà nước đạt kết quả tốt, có bước đột phá hơn so với cùng kỳ; trong đó thu tiền sử dụng đất vượt dự toán tỉnh giao. Huyện đã tổ chức thành công Tuần lễ Văn hóa - Du lịch huyện Châu Thành lần 2 - năm 2024. Công tác giải phóng mặt bằng đã đạt được những kết quả quan trọng, các nút thắt từng bước được tháo gỡ, tiến độ các dự án trọng điểm đã có chuyển biến tích cực. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm chỉ đạo toàn diện, thực chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế và phục vụ tốt đời sống tinh thần của Nhân dân; công tác bảo đảm an sinh xã hội nhất là việc chăm lo, chuẩn bị lễ, tết cho Nhân dân, người có công... được quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được giữ vững; việc giải quyết đơn thư được quan tâm chỉ đạo; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt chỉ tiêu kế hoạch, chất lượng tăng, an toàn, đúng luật; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định.

*** *Khó khăn, hạn chế:***

- Có một số xã thu ngân sách không đạt dự toán nên khó khăn trong cân đối để đảm bảo chi cho các hoạt động thường xuyên cũng như chi thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết tại địa phương.

- Triển khai thực hiện hồ sơ, thủ tục các công trình/dự án Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM còn chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp; đối tượng sử dụng mạng xã hội tham gia các hội, nhóm còn nhiều thách thức. Chỉ tiêu kéo giảm tai nạn giao thông 03 mặt từ 5-10% chỉ đạt 1/3 mặt (*kéo giảm số người bị thương 50%*).

- Tiến độ thực hiện chuyển đổi số và dịch vụ công trực tuyến còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- Tình hình giải quyết hồ sơ liên quan đến đất đai còn chậm, nhất là thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

*** *Nguyên nhân hạn chế***

- Công tác chuẩn bị thủ tục đầu tư còn mất nhiều thời gian trong thực hiện các bước theo quy định do trong các tháng đầu năm phải chờ hướng dẫn thực hiện Luật Đấu thầu và các văn bản liên quan; sự phối hợp giữa các ngành chuyên môn của huyện còn hạn chế làm ảnh hưởng đến công tác thẩm định hồ sơ các công trình/dự án.

- Việc giải quyết thủ tục liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất còn chậm do thực hiện công tác đo đạc, thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với số lượng hồ sơ tương đối lớn.

- Người nộp thuế gặp khó khăn về vốn, chưa nộp thuế đúng hạn. Ý thức tuân thủ trong việc chấp hành chính sách thuế của một số bộ phận người nộp thuế chưa cao.

- Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt. Năng lực tổ chức, điều hành ở một số đơn vị trong thực thi công việc còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Sự phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ của internet, mạng xã hội và nhận thức còn hạn chế của một bộ phận người dân dẫn đến tình trạng các thế lực thù địch kích động, lợi dụng đăng tải, chia sẻ các bài viết có nội dung xuyên tạc, không đúng sự thật. Ý thức chấp hành của người tham gia giao thông hạn chế, sử dụng các phương tiện không đúng quy định, không đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Kết quả đánh giá chỉ tiêu thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được xác định trên cơ sở so sánh diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành và số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành như sau:

Bảng 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)- (4)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	16.028,92	16.206,11	177,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	46,55	52,72	6,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.777,94	15.951,86	173,91
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	191,40	188,52	-2,89
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,02	13,02	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	6.459,83	6.277,53	-182,29

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.137,86	1.034,55	-103,31
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	170,42	198,78	28,36
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,23	17,22	-0,01
2.4	Đất quốc phòng	CQP	5,66	0,66	-5,00
2.5	Đất an ninh	CAN	3,45	2,81	-0,64
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	72,91	71,18	-1,73
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,48	4,51	0,02
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,08	0,08	0,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,55	8,67	0,12
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	48,39	45,29	-3,10
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	7,86	9,09	1,23
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	3,54	3,54	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	539,05	397,93	-141,12
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	237,88	237,88	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	41,38	41,38	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	109,29	57,37	-51,92
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	76,09	61,30	-14,79
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	74,41		-74,41

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	805,75	745,23	-60,52
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	590,83	545,56	-45,27
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	179,55	179,70	0,15
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		0,18	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,06	0,06	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	7,97	4,28	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,58	2,98	-0,60
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,37	1,39	0,02
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,44	5,43	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	16,95	5,65	-11,30
2.9	Đất tôn giáo	TON	57,59	56,86	-0,74
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	18,07	18,07	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	42,19	42,04	-0,15
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	3.589,64	3.692,21	102,57
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,46	0,46	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.589,18	3.691,75	10,57
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,10		-5,10

** Nhóm đất nông nghiệp:*

Diện tích nhóm đất nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt là 16.028,92 ha. Kết quả thực hiện theo hiện trạng sử dụng đất, huyện Châu Thành có 16.206,11 ha nhóm đất nông nghiệp, chiếm 72,06 % tổng diện tích tự nhiên, cao hơn 177,20 ha chưa đạt so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân là do một số công trình, dự án có chuyển đổi mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp chưa được thực hiện trong năm 2024 và việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của người dân chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Cụ thể, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đối với các loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp, như sau:

- **Đất trồng lúa:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, trên địa bàn huyện không còn diện tích đất trồng lúa. Kết quả thực hiện:

+ Theo hiện trạng sử dụng đất, huyện Châu Thành không còn đất trồng lúa. Người dân đã chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm và các loại đất phi nông nghiệp.

+ Theo số liệu hồ sơ địa chính, huyện Châu Thành còn khoảng 434,49 ha đất trồng lúa, chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch được phê duyệt.

- **Đất trồng cây hằng năm khác:** Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 46,55 ha. Kết quả thực hiện, diện tích đất trồng cây hằng năm trên địa bàn huyện là 52,72 ha, cao hơn 6,17 ha chưa đạt so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân là do một số công trình dự án thực hiện năm 2024 sử dụng đất trồng cây hằng năm khác nhưng chưa được thực hiện và do nhu cầu đăng ký chuyển mục đích từ đất cây hằng năm sang nội bộ đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp chưa được thực hiện theo đúng chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất là 15.777,94 ha. Kết quả thực hiện, hiện trạng năm 2024 huyện có diện tích đất trồng cây lâu năm là 15.951,86 ha, cao hơn 173,91 ha chưa đạt so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân là do các công trình sử dụng đất trồng cây lâu năm chưa được thực hiện trong năm 2024 như: Xây dựng Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu cảng Giao Long, Dự án đầu tư và phát triển Khu đô thị Cửa ngõ Bến Tre, Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2, Mở rộng Nhà máy xử lý rác thải cấp tỉnh, trụ sở quân sự xã, nhà văn hóa thể thao ấp Phú Ngãi ở xã Phú An Hòa (nay là xã An Phước) ,...; Bên cạnh đó việc chuyển mục đích sử dụng đất trong năm của người dân chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch sử dụng đất.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Diện tích theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 191,40 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 188,52 ha, chưa đạt kế hoạch được duyệt 2,89 ha.

Nguyên nhân do việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân ở xã Tiên Long chưa thực hiện theo đúng kế hoạch.

- **Đất nông nghiệp khác:** Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 13,02 ha. Kết quả thực hiện năm 2024, đất nông nghiệp khác có diện tích là 13,02 ha, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

** Nhóm đất phi nông nghiệp*

Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành là 6.459,83 ha. Kết quả thực hiện, nhóm đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện có diện tích 6.277,53 ha, chiếm 27,91% tổng diện tích tự nhiên, thấp hơn 183,84 ha chưa đạt so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân là do còn nhiều công trình, dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp chưa được thực hiện trong năm 2024 và việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của người dân chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch sử dụng đất. Cụ thể như sau:

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 1.137,86 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 1.034,55 ha diện tích đất ở nông thôn có giảm do thực hiện theo Nghị quyết 1237/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025 nên diện tích 63,43 ha đất ở tại nông thôn xã An Khánh nhập vào đất ở đô thị, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 39,88 ha.

Nguyên nhân do một số công trình sử dụng đất ở nông thôn như Dự án đầu tư và phát triển Khu đô thị Cửa ngõ Bến Tre, Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2 chưa thực hiện. Bên cạnh đó, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 170,42 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 198,78 ha (diện tích đất ở đô thị có tăng lên do thực hiện theo Nghị quyết 1237/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025 nên diện tích đất ở tại nông thôn 63,43 ha xã An Khánh nhập vào đất ở đô thị), thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 35,07 ha.

Nguyên nhân do dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre, dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành, dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2, khu nhà phố Phúc Vinh chưa được thực hiện và việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch được duyệt năm 2024 diện tích là 17,23 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 17,22 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,01 ha.

- **Đất quốc phòng:** Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 5,66 ha. Kết quả thực hiện là 0,66 ha thấp hơn kế hoạch được duyệt 5,00 ha.

Nguyên nhân: Năm 2024 chưa thực hiện việc xây dựng Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu cảng Giao Long 0,11 ha tại xã Giao Long, Ban chỉ huy quân sự huyện 4,89 ha ở xã An Khánh (nay là Thị trấn Châu Thành).

- **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 3,45 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích 2,81 ha, thấp hơn kế hoạch được duyệt 0,19 ha.

Nguyên nhân: Năm 2024 huyện chưa thực hiện xong xây dựng trụ sở Công an xã tại xã Quới Sơn và xã Tân Phú.

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 72,91 ha. Hiện trạng sử dụng năm 2024 có diện tích 71,18 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1,73 ha. Trong đó:

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 4,51 ha, hiện trạng năm 2023 có diện tích là 4,48 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 0,03 ha.

Nguyên nhân: Do năm 2024 đất xây dựng cơ sở văn hóa giảm là để xây dựng trường mẫu giáo Trần Văn Ôn ở xã Phước Thạnh nhưng công trình này vẫn chưa thực hiện.

+ **Đất xây dựng cơ sở xã hội:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đất xây dựng cơ sở xã hội có diện tích 0,08 ha. Trong năm 2024 đất cơ sở xã hội không có biến động.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 có diện tích là 8,55 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 8,67 ha, cao hơn 0,12 ha kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Do việc giao đất y tế cho Ủy ban nhân dân xã quản lý và sử dụng tại xã Phú An Hòa (nay là xã An Phước) chưa được thực hiện.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 diện tích là 48,39 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 45,29 ha, thấp hơn so kế hoạch được duyệt là 3,10 ha.

Nguyên nhân do các công trình xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đăng ký thực hiện trong năm 2024 chưa được hoàn thành như: giao đất thị trấn Tiên Thủy. Trường TH An Hiệp; Trường MG An Hóa; Trường TH Phú Túc; Trường MG Phú Túc; Trường MG Quới Thành;

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 7,86 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 9,09 ha, cao hơn 1,23 ha, chưa đạt so kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân do công trình xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo ở xã Tường Đa (sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao) chưa thực hiện.

+ **Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 diện tích là 3,54 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 3,54 ha. Trong năm không có biến động, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất theo kế hoạch.

- **Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 539,05 ha. Hiện trạng sử dụng năm 2024 có diện tích 397,93 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 141,12 ha. Trong đó:

+ **Đất khu công nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt có diện tích 237,88 ha, hiện trạng năm 2024 đất khu công nghiệp có diện tích là 237,88 ha. Diện tích đất khu công nghiệp năm 2024 không có biến động.

+ **Đất cụm công nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt đất cụm công nghiệp có diện tích là 41,38 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 41,38 ha, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích 109,29 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 57,37 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 51,92 ha.

Nguyên nhân là do các công trình: Khu nghỉ dưỡng Forever Green Resort; Dự án Cồn Qui, phần diện tích đất bằng chưa sử dụng tại xã Tân Thạch chuyển sang đất thương mại dịch vụ, Dự án đầu tư phát triển khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2 chưa được thực hiện và do nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình cá nhân đã đăng ký trong năm chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

+ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt có diện tích là 76,09 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 61,30 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 14,79 ha.

Nguyên nhân do trong kế hoạch 2024, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng chủ yếu là dự báo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, việc chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt.

+ **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 74,41 ha, hiện trạng năm 2024 không có diện tích, chưa đạt so kế hoạch được duyệt

- **Đất sử dụng vào mục đích công cộng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 805,75 ha. Hiện trạng sử dụng năm 2024 có diện tích 745,23 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 60,52 ha. Trong đó:

+ **Đất công trình giao thông:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt là 590,83 ha. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 có diện tích là 545,56 ha thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 45,27 ha.

Nguyên nhân: Do trong năm 2024 chưa thực hiện việc xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc các công trình, dự án như: Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai, các tuyến đường Đường ĐX.03 (Từ giáp QL.57C đến giáp Lộ Thợ xã Thành Triệu), Nâng cấp mở rộng Đường ĐX.01 (Đoạn từ ĐH.01 đến giáp QL.57C), Đường ĐA.13 (Điểm đầu giáp QL.57C, điểm cuối giáp ấp Tân Đông xã Tân Phú) ở xã Quới Thành....

+ **Đất công trình thủy lợi:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 có diện tích là 179,55 ha, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 179,70 ha, thấp hơn 0,15 ha, chưa đạt so kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Do trong năm 2024 công trình, dự án Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bắc Nam Bến Tre ở xã Tân Phú đang thực hiện thủ tục giải phóng mặt bằng.

+ **Đất công trình cấp nước, thoát nước:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 loại đất này chưa có, hiện trạng năm 2024 có diện tích là 0,18 ha.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 0,06 ha; trong năm 2024 đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không có biến động, hiện trạng có diện tích là 0,06 ha.

+ **Đất công trình xử lý chất thải:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 7,97 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 4,28 ha, thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch 0,03 ha.

Nguyên nhân: Do việc mở rộng nhà máy xử lý rác thải cấp tỉnh ở xã Hữu Định và trạm trung chuyển rác ở xã An Hiệp (nay là xã Tường Đa) chưa được thực hiện.

+ **Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 diện tích là 3,58 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 2,98 ha, thấp hơn so kế hoạch được duyệt 0,60 ha.

Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình: Đường dây 110 kV Giao Long - Phú Thuận, đường dây 220kV Bình Đại – Bến Tre, Đường dây 220 kV Bình Đại_ Bến Tre, Xây dựng 110 kV mạch kép từ Trạm 220 kV Bến Tre đến trạm 220 kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2x ACSR 240 chưa thực hiện xong công tác thu hồi.

+ **Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 diện tích là 1,37 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 1,39 ha, thấp hơn 0,02 ha, chưa đạt so kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 có diện tích là 5,44 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 5,44 ha. Trong năm 2023 đất chợ không có biến động.

+ **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 16,95 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 5,65 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 11,30 ha.

Nguyên nhân là do các khu vui chơi, giải trí công cộng trong các công trình dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành, dự án Khu đô thị mới Ba Lai 2, khu nhà phố Phúc Vinh và các công trình xây dựng nhà văn hóa khu thể thao, nhà sinh hoạt cộng đồng áp thuộc xã Phú An Hòa (nay là xã An Phước), Phú Đức, Phú Túc, Phước Thạnh, Quới Sơn chưa thực hiện.

- **Đất tôn giáo:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 diện tích là 57,59 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 56,86 ha, thấp hơn kế hoạch được duyệt là 0,74 ha.

Nguyên nhân do việc chuyển mục đích để xây dựng chùa Kiến Long, chùa Bảo Tâm ở xã Quới Thành, chùa Phước Linh thuộc xã Hữu Định chưa thực hiện.

- **Đất tín ngưỡng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 18,07 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 18,07 ha. Trong năm 2024 đất cơ sở tín ngưỡng không có biến động.

- **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 42,19 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 42,04 ha, thấp hơn kế hoạch được duyệt được duyệt 0,15 ha.

Nguyên nhân là do việc sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng để thực hiện công trình dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành và dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba lai 2 chưa thực hiện.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 3589,64 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 3692,21 ha, thấp hơn kế hoạch được duyệt là 102,57 ha.

+ **Đất có có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 0,46 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 0,46 ha, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất theo kế hoạch.

+ **Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 3.589,18 ha, hiện trạng năm 2024 diện tích là 3.691,75 ha, cao hơn 102,57 ha, chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là.

Nguyên nhân: Do trong năm 2024 các công trình, dự án có sử dụng đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đã phê duyệt.

** Nhóm đất chưa sử dụng:*

- **Đất bằng chưa sử dụng:** Theo kế hoạch năm 2024, toàn bộ diện tích đất bằng chưa sử dụng của huyện Châu Thành sẽ chuyển sang đất thương mại, dịch vụ. Kết quả: Hiện trạng năm 2024, đất chưa sử dụng có diện tích là 5,10 ha do chưa thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng loại đất trên.

*** Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới):** Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 225,67 ha, hiện trạng năm 2024 các dự án khu đô thị mới chưa triển khai thực hiện.

2.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện công tác thu hồi đất trong năm 2024

Bảng 2: Kết quả thực hiện công tác thu hồi đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	98,29	14,41	-83,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	98,29	14,41	-83,88
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS			
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH			
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	7,10	0,30	-56,80
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,43		-0,43
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2,54		-2,54
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,11		-0,11
2.4	Đất quốc phòng	CQP			
2.5	Đất an ninh	CAN			
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN			
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH			
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH			
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT			
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD			
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT			
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK			
2.7.1	Đất khu công nghiệp,	SKK			

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,55		-1,55
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,27	0,30	-0,97
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,70		-0,70
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,56		-0,56
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,14		-0,14
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD			
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA			
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL			
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV			
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH			
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV			
2.9	Đất tôn giáo	TON			

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN			
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,06		-0,06
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC			
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC			
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,44		-0,44
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tổng diện tích cần thu hồi để thực hiện các công trình là 105,69 ha. Kết quả thực hiện 14,41 ha, chiếm 14,66 % diện tích.

- Diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi từ đất trồng cây lâu năm: 14,41 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp đã thu hồi là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 0,30 ha.

2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

Bảng 3: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (theo KHSDĐ được duyệt)	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Chuyển đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	198,60	22,31	-176,29
-	<i>Trong đó</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN			

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (theo KHSDD được duyệt)	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	1,48	0,14	1,34
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	197,12	22,17	174,95
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN			
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN			
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN			
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp				
-	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN			
2.5	Đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS			
2.6	Đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU			
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR			
		(a)			
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR			
		(a)			

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (theo KHSDD được duyệt)	Kết quả thực hiện	Chênh lệch (+) tăng (-) giảm
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR			
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,13	0,30	0,83

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành, chỉ tiêu chuyển đổi từ đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp được duyệt là 198,60 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2024, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 22,31 ha, chiếm 11,23%, bao gồm việc thực hiện chuyển mục đích của các công trình dự án thu hồi đất và việc chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện. Riêng các công trình chuyển mục đích là các con đường giao thông nông thôn tại các xã trên địa bàn huyện do chưa thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính nên không tổng hợp vào kết quả chuyển mục đích sử dụng năm 2024.

Trong đó, diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích phục vụ thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện gồm:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,01 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,09 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất giáo dục 1,10 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất giao thông 7,95 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất thủy lợi 1,55 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 2,06 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,66 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,30 ha;

* Kết quả việc chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân

Diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 466,21 ha. Trong đó nhu cầu xin chuyển mục đích từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm là 390,54 ha, đây là những trường hợp xin chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm nhưng hiện trạng khác với

hồ sơ địa chính và không có trong chỉ tiêu được duyệt nhưng đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Kết quả chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân năm 2024 là 56,78 ha, đạt 12,53%, trong đó, diện tích đất trồng lúa (theo hồ sơ địa chính) chuyển mục đích sang cây lâu năm là 49,19 ha, diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,12 ha; diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn là 6,13 ha, diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất ở tại đô thị 0,01 ha, diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại đô thị 0,40 ha, diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ 0,67 ha, diện tích đất ở tại nông thôn sang đất thương mại dịch vụ 0,11 ha, diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,15 ha.

* Kết quả việc giao và cho thuê đất công:

Trong năm 2024, UBND huyện Châu Thành đã lập thủ tục giao đất công của UBND Thị trấn Châu Thành (trước đây là xã An Khánh) cho bà Kim Em diện tích 0,01 ha. Các thửa còn lại của huyện đang trong quá trình làm thủ tục giao đất.

2.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án

Theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2024 của UBND tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre, tổng số lượng công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn huyện Châu Thành là 38 công trình (8 công trình quốc phòng, an ninh, 18 công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội và 12 công trình đăng ký chuyển mục đích).

Nhìn chung, trong năm 2024 việc thực hiện các công trình dự án đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất của huyện chưa đạt hiệu quả do hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực vẫn còn khó khăn ảnh hưởng đến việc chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án thương mại - dịch vụ và sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; Công tác giải phóng mặt bằng ở một số công trình dự án trọng điểm còn chậm,...Cụ thể, kết quả thực hiện các công trình dự án như sau:

Bảng 4. Tổng hợp kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KHSDĐ năm 2024		Kết quả thực hiện							
			Số dự án	Diện tích (ha)	Đã thực hiện		Đang thực hiện (chuyển tiếp sang năm 2025)		Chưa thực hiện (chuyển tiếp sang năm 2025)		Chưa thực hiện (không chuyển tiếp sang năm 2025)	
					Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KHSDD năm 2024		Kết quả thực hiện							
			Số dự án	Diện tích (ha)	Đã thực hiện		Đang thực hiện (chuyển tiếp sang năm 2025)		Chưa thực hiện (chuyển tiếp sang năm 2025)		Chưa thực hiện (không chuyển tiếp sang năm 2025)	
					Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		38	184,51	10	68,80	3	4,77	21	27,01	4	92,75
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh											
	Tổng		8	11,64					7	11,57	1	0,07
1	Đất quốc phòng	CQP	2	5					2	5		
2	Đất an ninh	CAN	6	6,64					5	6,57	1	0,07
II	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất											
	Tổng		18	172,87	8	66,03	3	4,77	3	6,62	3	92,68
1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1	1,1	1	1,1						
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	2	0,09	2	0,09						
3	Đất giao thông	DGT	2	18,18	2	18,18						
4	Đất thủy lợi	DTL	2	2,11	1	1,55	1	0,56				
5	Đất công trình năng lượng	DNL	5	9,79	1	2,37	1	0,8	3	6,62		
6	Đất cụm công nghiệp	SKN	1	42,74	1	42,74						
7	Đất ở tại nông thôn	ONT	1	2,77	1	1,66						
8	Khu đô thị, khu tái định cư	DTC	3	92,68							3	92,68
9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1	3,41			1	3,41				
III	Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất											
	Tổng		12	17,99	1	9,17			11	8,82		
1	Đất giao thông	DGT	12	17,99	1	9,17			11	8,82		

Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành như sau:

- Số lượng công trình, dự án đã thực hiện hoàn thành: 10/38 công trình/dự án, chiếm tỉ lệ 26,32% số lượng các công trình, dự án được duyệt năm 2024.

Bảng 5: Các công trình, dự án đã hoàn thành

STT	Tên công trình/dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			
1	Trường Tiểu học Tân Phú	1,10	Xã Tân Phú	
2	Khu hành chính xã Phước Thạnh	0,06	Xã Phước Thạnh	
3	Khu hành chính xã Tân Phú	0,03	Xã Tân Phú	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	42,74	Xã Giao Long và xã An Phước	
5	Trạm 110kV An Hiệp và đường dây 110kV từ 220kV Bến Tre- 110kV An Hiệp, tỉnh Bến Tre	2,37	Xã Sơn Hòa, An Hiệp, Tường Đa, huyện Châu Thành; thành phố Bến Tre	
6	Kè chống sạt lở bờ sông Giao Hòa, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến tre	3,25	Xã Giao Long, xã An Hóa	
7	Xây dựng đường từ cảng Giao Long đến khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07)	15,50	Huyện Châu Thành	
8	Khu tái định cư phục vụ công trình cầu Rạch Miễu 2 và đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2	2,77	Xã Tam Phước	Thực hiện gđ 1 là 1,66 ha
9	Cổng An Hóa	1,55	Xã Giao Long	
II	Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
10	Lộ Tân Bắc (ĐH.DK.19)	9,17	thị trấn Tiên Thủy, xã Tiên Long, xã Tân Phú	

- Có 03 công trình, dự án đang triển khai thực hiện cụ thể:

Bảng 6: Các công trình, dự án đang triển khai thực hiện

STT	Tên công trình/dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Tiến độ thực hiện
1	Mở rộng nhà máy xử lý rác thải cấp tỉnh (Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đổi tên và diện tích: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre với diện tích 3,24 ha)	3,41	Xã Hữu Định	Đang thực hiện giải phóng mặt bằng
2	Đường dây 110kV Giao Long – 110kV Phú Thuận	0,80	huyện Bình Đại; Xã Giao Long, An Hóa – Huyện Châu Thành	Đang thực hiện giải phóng mặt bằng
3	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bắc Nam Bến Tre	0,56	Huyện Châu Thành (0,56 ha)	Đang thực hiện giải phóng mặt bằng

- Số công trình, dự án đang thực hiện và chưa thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2025 là 24 công trình (03 công trình thu hồi đất + 11 công trình chuyển mục đích + 7 công trình quốc phòng, an ninh), cụ thể:

Bảng 7: Các công trình chưa thực hiện chuyển tiếp sang năm 2025

STT	Tên công trình/dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Phân pha dây dẫn đường dây 110 kV từ 175 Bến Tre 2 – Giồng Trôm (trụ 130A)	1,77	Thành phố Bến Tre, Xã Hữu Định - Huyện Châu Thành, huyện Giồng Trôm	
2	Đường dây 220kV Bình Đại - Bến Tre	4,40	thành phố Bến Tre; xã Hữu Định, huyện Châu Thành; huyện Giồng Trôm; huyện Bình Đại	
3	Xây dựng 110kV mạch kép từ Trạm 220kV Bến Tre đi Trạm 220kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240	1,35	Thành phố Bến Tre; các xã: An Khánh, Tam Phước, Hữu Định - huyện Châu Thành	
4	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu cảng Giao Long	0,11	Xã Giao Long	
5	Công an xã Quới Sơn	0,10	Xã Quới Sơn	
6	Công an xã Tân Phú	0,09	Xã Tân Phú	
7	Ban chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành	4,89	Xã An Khánh (nay là Thị trấn Châu Thành)	
8	Trụ sở Công an xã Hữu Định	0,18	Xã Hữu Định	

STT	Tên công trình/dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
9	Trụ sở Công an xã Tiên Long	0,10	Xã Tiên Long	
10	Trụ sở Công an xã Phú Túc	0,10	Xã Phú Túc	
11	Đường ĐX.03 (Từ giáp QL.57C đến giáp Lộ Thợ xã Thành Triệu)	1,78	Xã Quới Thành - Thành Triệu	
12	Nâng cấp mở rộng Đường ĐX.01 (Đoạn từ ĐH.01 đến giáp QL.57C)	3,91	Xã Quới Thành -Tiên Thủy	
13	Đường ĐX.03 (Từ ranh xã Tiên Thủy đến giáp nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1)	2,88	Xã Tiên Long - Tiên Thủy	
14	Đường ĐA.01 (Từ giáp ĐX.01 đến giáp rạch Cái Cam xã Tiên Thủy)	1,78	Xã Tiên Long - Tiên Thủy	
15	Đường ĐX.04 (từ nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1 đến ĐH.DK.19)	1,30	Xã Tiên Long - Tân Phú	
16	Đường ĐA.03, đường liên ấp Phước Thiện – Phước Định (Từ giáp ĐA.01 đến giáp ĐX.01 và nhánh rẽ ra trường Mầm non Trần Văn Ôn)	0,91	Xã Phước Thạnh	
17	Đường ĐX.05 (Từ ĐH.03 đến giáp cầu Đức)	0,55	Xã Giao Long	
18	Đường ĐX.06 (Từ ĐH.03 đến giáp ĐH.DK.13)	1,06	Xã Giao Long	
19	Đường ĐA.04 (Điểm đầu giáp QL.57B, điểm cuối giáp Sông Tiền)	0,98	Xã Phú Đức	
20	Đường ĐA.01 (từ Đường QL,57B đến ranh xã Tiên Long)	1,60	Xã Tân Phú	
21	Đường ĐA.13 (Điểm đầu giáp QL,57C, điểm cuối giáp ấp Tân Đông xã Tân Phú)	1,24	Xã Quới Thành	

Bảng 8: Các công trình chưa thực hiện nhưng không chuyển tiếp sang năm 2025

STT	Tên công trình/dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre	40,00	TT. Châu Thành, xã An Khánh (nay là Thị trấn Châu Thành)

STT	Tên công trình/dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành	31,02	Thị trấn Châu Thành
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2, thị trấn Châu Thành	21,66	Thị trấn Châu Thành
4	Trụ sở Công an xã Tân Thạch (Thửa 7 tờ 4 không đủ diện tích xây dựng)	0,07	Xã Tân Thạch

2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong sử dụng đất

2.3.1. Hiệu quả kinh tế

- Việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất hợp lý từ đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang đất phi nông nghiệp hiệu quả cao hơn, đã góp phần giúp cho kinh tế huyện phát triển theo hướng khá toàn diện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá - thể thao, thực hiện các chính sách an sinh xã hội chuyển biến tích cực; đời sống của Nhân dân ngày càng nâng lên.

- Sử dụng đất đúng định hướng Kế hoạch sử dụng đất, góp phần to lớn vào ngân sách địa phương bằng nguồn thu từ chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê, đấu giá quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ hoạt động phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

- Gia tăng quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã góp phần tích cực cho phát triển doanh nghiệp, góp phần thu hút vốn đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội.

- Từng bước phát triển và hoàn thiện các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đã góp phần giải quyết nhu cầu mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp; góp phần tăng thu nhập cho ngân sách địa phương. Quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị ngày càng được mở rộng. Hiện nay, trên địa bàn huyện việc đầu tư xây dựng hai khu công nghiệp: khu công nghiệp Giao Long, khu công nghiệp An Hiệp và cụm công nghiệp Long Phước đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Diện tích đất dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị tăng nhanh, đã từng bước hình thành hệ thống hạ tầng đô thị tương đối đồng bộ.

2.3.2. Hiệu quả xã hội

- Thông qua việc phân bố, sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, chuyển quỹ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp đã tạo được nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần ổn định đời sống cho người dân và phát triển kinh tế của địa phương.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa.

- Cơ cấu lao động chuyển đổi theo chiều hướng tích cực, tỷ lệ lao động thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm.

- Đối với phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, đô thị và dịch vụ: Việc chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về đất để triển khai thực hiện các công trình, dự án đầu tư, tạo bước đi phù hợp với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian góp phần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án. Diện tích đất được giao để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp (đất có mục đích công cộng, đất sản xuất kinh doanh, đất thương mại, dịch vụ, đất ở,...) ngày càng tăng, góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rút ngắn được khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

2.3.3. Hiệu quả môi trường

Việc khai thác sử dụng hợp lý quỹ đất, phát triển kinh tế xã hội gắn với đặc trưng riêng của từng vùng đã hạn chế phần nào tác động xấu đến môi trường tự nhiên của huyện.

2.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học và giải pháp khắc phục trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.4.1 Đánh giá những mặt được

- Trong năm 2024, các ngành, các cấp trên địa bàn huyện đã chấp hành nghiêm các chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, trong đó công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được triển khai sớm và chủ động. Từ đó, giúp cho công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để được quản lý chặt chẽ, không để xảy ra chuyển mục đích trái phép đất nông nghiệp sang mục đích khác với quy mô lớn.

- Chủ động quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dân cư,... và góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Kế hoạch sử dụng đất góp phần tạo việc làm và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội; là cơ sở để triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho Nhân dân trong huyện.

2.4.2 Những tồn tại

Nhìn chung, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Châu Thành đã đạt được những thành quả nhất định. Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất

đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng quỹ đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm một số chỉ tiêu có kết quả thực hiện đến thời điểm hiện tại đạt kết quả chưa cao so với chỉ tiêu được duyệt. Một số nguyên nhân tồn tại như sau:

- Đối với các công trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

- + Việc bố trí vốn để thực hiện các công trình còn chậm, chưa được giải ngân theo kế hoạch được duyệt.

- + Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của một số công trình còn gặp nhiều khó khăn, thường kéo dài hơn 01 năm, dẫn đến việc chậm triển khai các công trình theo kế hoạch được duyệt. Bên cạnh đó, một số dự án đã thu hồi đất, giải phóng mặt bằng nhưng chưa kịp làm thủ tục giao đất, cho thuê đất nên phải chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm kế tiếp.

- Đối với các công trình giao đất, cho thuê đất thì việc thực hiện các thủ tục giao, cho thuê thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện với tiến độ rất chậm và thường lúng túng trong việc đề xuất các trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá, ... các trường hợp không hoàn thành trong năm kế hoạch đề xuất tiếp tục chuyển sang năm tiếp theo. Nhiều công trình còn vướng mắc, khó khăn khi thực hiện do chưa đủ điều kiện về hiện trạng, pháp lý như: bị lấn chiếm, chưa xác lập pháp lý, không phù hợp quy hoạch,

- Đối với nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân vẫn còn tồn tại nhiều phức tạp do những nguyên nhân sau:

- + Do nhu cầu nhà ở cấp thiết của người dân, nhưng không thuộc khu vực quy hoạch đất ở dẫn đến việc người dân tự ý san lấp mặt bằng, xây cất nhà trên đất nông nghiệp, không phù hợp quy hoạch, gây khó khăn trong công tác quản lý của địa phương.

- + Một số chủ sử dụng đất chưa nhận thức được việc sử dụng đất phải theo đúng mục đích sử dụng, tự ý chuyển đổi mục đích khi chưa được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

- + Một số trường hợp do ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của người dân còn chưa cao.

- + Những trường hợp hộ gia đình cá nhân đã xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân xã có tuyên truyền vận động đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất nhưng thời điểm hiện tại không phù hợp quy hoạch; đồng thời, từ cuối năm 2019 việc chuyển mục đích sử dụng đất không được ghi nợ tiền sử dụng đất như trước (trừ các trường hợp đủ điều kiện theo qui định) nên nhiều hộ dân không đủ khả năng tài chính để thực hiện nộp tiền sử dụng đất dẫn đến việc xây dựng nhà trái phép trên đất nông nghiệp.

2.4.3. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục trong việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, tính toán khoa học, bám sát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các xã - thị trấn trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của huyện.

- Các cấp, các ngành cần huy động mọi nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất để đạt được mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực đề ra.

- Để kế hoạch sử dụng đất thực sự là công cụ pháp lý quan trọng trong quản lý Nhà nước về đất đai thì phải tăng cường quản lý chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh, kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất đặc biệt từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Kiên quyết xử lý cán bộ, công chức để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật đất đai.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lập, thẩm định, xét duyệt, công bố và thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất đặc biệt từ đất lúa sang các đất nông nghiệp và nhất là đất phi nông nghiệp.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện tại chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành được căn cứ vào Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Châu Thành.

Bảng 9: Chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Châu Thành

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch đến năm 2030	Hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	15.567,00	16.207,11	-639,11
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0,78	52,72	-51,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.156,00	15.951,86	-795,86
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	394,87	188,52	206,35
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	16,11	13,02	3,09
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.921,00	6.277,53	643,47
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.273,00	1.034,55	-238,45
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	254,00	198,78	55,22
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,00	17,22	0,78

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch đến năm 2030	Hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại
2.4	Đất quốc phòng	CQP	5,00	0,66	4,34
2.5	Đất an ninh	CAN	18,00	2,81	15,19
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN		71,18	-71,18
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,00	4,51	0,49
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		0,08	-0,08
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,00	8,67	1,33
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	56,00	45,29	10,71
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,00	9,09	5,91
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	5,00	3,54	1,46
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK			
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	485,00	237,88	247,12
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	50,00	41,38	8,62
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	213,00	57,37	155,63
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	104,00	61,30	42,70
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	179,00		179,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC			
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	595,86	545,56	50,30
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	195,00	179,70	15,30

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch đến năm 2030	Hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		0,18	-0,18
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,00	0,06	0,94
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	25,21	4,28	20,93
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,00	2,98	1,02
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,00	1,39	0,61
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,13	5,44	1,69
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	25,36	5,65	19,71
2.9	Đất tôn giáo	TON	58,00	56,86	1,14
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	18,10	18,07	0,03
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	44,00	42,04	1,96
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC			
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		0,46	-0,46
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.255,24	3.691,75	-436,51
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD		5,10	-5,10
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS			
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS			
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

Trong giai đoạn từ năm 2021 - 2024, trên địa bàn huyện Châu Thành đã thực hiện nhiều công trình, dự án các cấp nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và toàn tỉnh nói chung, nhất là các công trình đáp ứng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

các tiêu chí nông thôn mới như giao thông, giáo dục, y tế,... Bên cạnh đó, việc thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp đã góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, nâng cao giá trị của nguồn tài nguyên đất đai.

Tuy nhiên, còn nhiều công trình, dự án chưa được triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất chưa đảm bảo đạt theo chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp tỉnh phê duyệt.

Việc đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của người dân vẫn còn nhiều hạn chế chưa được thực hiện theo đúng định hướng dẫn đến kết quả thực hiện vẫn còn thấp so với chỉ tiêu được định hướng hàng năm.

Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm thì Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành vẫn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đảm bảo theo đúng phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Châu Thành.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

** Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024*

Qua đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thì diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất mà trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với mục đích quốc phòng, an ninh và thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Châu Thành đề xuất tiếp tục đưa vào thực hiện trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2024 (ha)	Diện tích thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	16.028,92	16.206,11	177,20
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	46,55	52,72	6,17

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyet năm 2024 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2024 (ha)	Diện tích thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tăng (+), giảm (-) (ha)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.777,94	15.951,86	173,91
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	191,40	188,52	-2,89
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,02	13,02	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	6.459,83	6.277,53	-182,29
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.137,86	1.097,98	-39,88
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	170,42	135,35	-35,07
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,23	17,22	-0,01
2.4	Đất quốc phòng	CQP	5,66	0,66	-5,00
2.5	Đất an ninh	CAN	3,45	2,81	-0,64
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	72,91	71,18	-1,73
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,48	4,51	0,02
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,08	0,08	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,55	8,67	0,12
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	48,39	45,29	-3,10
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	7,86	9,09	1,23
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	3,54	3,54	0,00

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyet năm 2024 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2024 (ha)	Diện tích thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tăng (+), giảm (-) (ha)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	539,05	397,93	-141,42
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	237,88	237,88	0,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	41,38	41,38	0,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	109,29	57,37	-51,92
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	76,09	61,30	-14,79
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	74,41		-74,41
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	805,75	743,23	-60,52
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	590,83	545,56	-45,27
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	179,55	179,70	0,15
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		0,18	0,18
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,06	0,06	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	7,97	4,28	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,58	2,98	-0,60
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,37	1,39	0,02
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,44	5,44	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	16,95	5,65	-11,30
2.9	Đất tôn giáo	TON	57,59	56,86	-0,74
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	18,07	18,07	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	42,19	42,04	-0,15
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	3.589,64	3,692,21	102,57
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,46	0,46	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2024 (ha)	Diện tích thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tăng (+), giảm (-) (ha)
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.589,18	3.691,75	102,57
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD		5,10	5,10
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		5,10	5,10
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS			
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thì các chỉ tiêu sử dụng đất mà trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Châu Thành và tiếp tục chuyển sang thực hiện trong năm 2025 là phù hợp.

** Rà soát, đánh giá các công trình, dự án chưa hoàn thành trong năm 2024*

Trong số các công trình, dự án chưa hoàn thành trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chuyển tiếp sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Châu Thành có 06 công trình, dự án được đưa vào kế hoạch sử dụng đất của huyện từ 02 năm trở lên nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai.

Bảng 11: Các công trình chưa hoàn thành trong năm 2024

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	Xã Hữu Định
2	Đường dây 110kV Giao Long – 110kV Phú Thuận	huyện Bình Đại; Xã Giao Long, An Hóa – Huyện Châu Thành
3	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bắc Nam Bến Tre	Huyện Châu Thành (0,56 ha)
4	Phân pha dây dẫn đường dây 110 kV từ 175 Bến Tre 2 – Giồng Trôm (trụ 130A)	Thành phố Bến Tre. Xã Hữu Định - Huyện Châu Thành, huyện Giồng Trôm
5	Đường dây 220kV Bình Đại - Bến Tre	thành phố Bến Tre; xã Hữu Định, huyện Châu Thành;

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm
		huyện Giồng Trôm; huyện Bình Đại
6	Xây dựng 110kV mạch kép từ Trạm 220kV Bến Tre đi Trạm 220kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240	Thành phố Bến Tre; các xã: An Khánh (nay là Thị trấn Châu Thành), Tam Phước, Hữu Định - huyện Châu Thành

Đối với các công trình nêu trên UBND huyện Châu Thành nhận thấy các công trình, dự án được đưa vào kế hoạch sử dụng đất của huyện từ 02 năm trở lên nhưng chưa hoàn thành đều là các công trình, dự án quan trọng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và các huyện lân cận nói chung và đa số các công trình này cũng đang triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn thành trong năm 2024. Vì vậy, UBND huyện Châu Thành kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh thời gian thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2025, đồng thời chỉ đạo chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, công bố công khai trước khi thực hiện theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã rà soát, đánh giá sự phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nguồn vốn, khả năng thu hồi đất,... Trên cơ sở đó, UBND huyện kiến nghị chuyển tiếp 24 công trình, dự án chưa thực hiện và đang thực hiện trong năm 2024 sang năm 2025.

Bảng 12: Các công trình không chuyển tiếp sang năm 2025

STT	Tên công trình	Loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre	40,00	TT. Châu Thành, xã An Khánh	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành	31,02	thị trấn Châu Thành	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2, thị trấn Châu Thành	21,66	thị trấn Châu Thành	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Ba Lai 2, thị trấn Châu Thành
4	Trụ sở Công an xã Tân Thạch	0,07	Xã Tân Thạch	Thửa 7 tờ 4

- Chuyển tiếp 24 công trình, dự án chưa thực hiện và đang thực hiện trong năm 2024 sang thực hiện trong năm 2025, cụ thể:

Bảng 13: Các công trình đang thực hiện, chưa hoàn thành trong năm 2024 chuyển sang năm 2025

ST T	Tên công trình/dự án	Loại đất	Diệ n tích (ha)	Địa điểm
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	DRA	3,24	Xã Hữu Định
2	Đường dây 110kV Giao Long – 110kV Phú Thuận	DNL	0,80	huyện Bình Đại; Xã Giao Long, An Hóa – Huyện Châu Thành
3	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bắc Nam Bến Tre	DTL	0,56	Huyện Châu Thành (0,56 ha)
4	Phân pha dây dẫn đường dây 110 kV từ 175 Bến Tre 2 – Giồng Trôm (trụ 130A)	DNL	1,77	Thành phố Bến Tre, Xã Hữu Định - Huyện Châu Thành, huyện Giồng Trôm
5	Đường dây 220kV Bình Đại - Bến Tre	DNL	4,40	thành phố Bến Tre; xã Hữu Định, huyện Châu Thành; huyện Giồng Trôm; huyện Bình Đại
6	Xây dựng 110kV mạch kép từ Trạm 220kV Bến Tre đi Trạm 220kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240	DNL	1,35	Thành phố Bến Tre; các xã: An Khánh (nay là Thị trấn Châu Thành), Tam Phước, Hữu Định - huyện Châu Thành
7	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu cảng Giao Long	CQP	0,11	Xã Giao Long
8	Công an xã Quới Sơn (giao đất)	CAN	0,10	Xã Quới Sơn
9	Công an xã Tân Phú (giao đất)	CAN	0,09	Xã Tân Phú
10	Ban chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành	CQP	4,89	Thị trấn Châu Thành (trước đây là Xã An Khánh)
11	Trụ sở Công an xã Hữu Định	CAN	0,18	Xã Hữu Định
12	Trụ sở Công an xã Tiên Long	CAN	0,10	Xã Tiên Long
13	Trụ sở Công an xã Phú Túc	CAN	0,10	Xã Phú Túc

ST T	Tên công trình/dự án	Loại đất	Diệ n tích (ha)	Địa điểm
14	Đường ĐX.03 (Từ giáp QL.57C đến giáp Lộ Thợ xã Thành Triệu)	DGT	1,78	Xã Quới Thành- Thành Triệu
15	Nâng cấp mở rộng Đường ĐX.01 (Đoạn từ ĐH.01 đến giáp QL.57C)	DGT	3,91	Xã Quới Thành- Tiên Thủy
16	Đường ĐX.03 (Từ ranh xã Tiên Thủy đến giáp nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1)	DGT	2,88	Xã Tiên Long-Tiên Thủy
17	Đường ĐA.01 (Từ giáp ĐX.01 đến giáp rạch Cái Cam xã Tiên Thủy)	DGT	1,78	Xã Tiên Long-Tiên Thủy
18	Đường ĐX.04 (từ nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1 đến ĐH.DK.19)	DGT	1,30	Xã Tiên Long-Tân Phú
19	Đường ĐA.03, đường liên ấp Phước Thiện - Phước Định (Từ giáp ĐA.01 đến giáp ĐX.01 và nhánh rẽ ra trường Mầm non Trần Văn Ôn)	DGT	0,91	Xã Phước Thạnh
20	Đường ĐX.05 (Từ ĐH.03 đến giáp cầu Đức)	DGT	0,55	Xã Giao Long
21	Đường ĐX.06 (Từ ĐH.03 đến giáp ĐH.DK.13)	DGT	1,06	Xã Giao Long
22	Đường ĐA.04 (Điểm đầu giáp QL.57B, điểm cuối giáp Sông Tiên)	DGT	0,98	Xã Phú Đức
23	Đường ĐA.01 (từ Đường QL,57B đến ranh xã Tiên Long)	DGT	1,60	Xã Tân Phú
24	Đường ĐA,13 (Điểm đầu giáp QL,57C, điểm cuối giáp ấp Tân Đông xã Tân Phú)	DGT	1,24	Xã Quới Thành

** Rà soát việc giao đất hoặc cho thuê đất công*

UBND huyện Châu Thành tiếp tục làm thủ tục giao và cho thuê các thửa đất công tại các xã, thị trấn trong năm 2025 nhằm tăng nguồn thu từ đất, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai trên địa bàn.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

a. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các ngành và địa phương đăng ký, UBND huyện Châu Thành đã đăng ký các công trình dự án mới vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, cụ thể như sau:

Bảng 14: Các công trình đăng ký mới năm 2025

STT	Tên công trình	Loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
I. Các công trình, dự án đất quốc phòng, an ninh					

STT	Tên công trình	Loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Trụ sở Công an xã Phú Đức	CAN	0,10	Xã Phú Đức	
2	Công an xã Phước Thạnh	CAN	0,12	Xã Phước Thạnh	
3	Công an TT Tiên Thủy	CAN	0,15	Xã Tiên Thủy	
4	Công an xã Giao Long	CAN	0,07	Xã Giao Long	
5	Công an xã Thành Triệu	CAN	0,10	Xã Thành Triệu	
6	Công an xã Quới Thành	CAN	0,03	Xã Quới Thành	
7	Công an xã An Phước	CAN	0,12	Xã An Phước (trước đây là Xã Phú An Hòa)	
8	Công an TT Châu Thành	CAN	0,12	TT. Châu Thành (trước đây là Xã An Khánh) cũ	
9	Công an xã Tường Đa	CAN	0,22	Xã Tường Đa	
II. Công trình thu hồi					
1	'Xây dựng đường từ cảng Giao Long đến khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07)(giai đoạn 2)	DGT	0,30	Xã Giao Long	
2	Đường 3-2 thị trấn Châu Thành	DGT	0,19	TT. Châu Thành	
3	Đường số 11 – GĐ3 thị trấn Châu Thành	DGT	0,388	TT. Châu Thành – Phú An Hòa	
4	Đường ĐA.04 thị trấn Tiên Thủy (Đường cấp kênh Tre Bông thuộc Khu Phố Tiên Tây Thượng)	DGT	0,636	TT. Tiên Thủy	
5	Đường ĐX.03 thị trấn Tiên Thủy	DGT	0,325	TT. Tiên Thủy	
6	Đường ĐA.05 (Từ giáp ĐT.DK07 đến ĐA.01 Sông Ba Lai)	DGT	4,56	Xã Phú Đức	
7	Đường ĐC.06 (Từ ĐX.02 đến đường ĐC.10)	DGT	2,80	Xã Phú Đức	
8	Đường ĐC.08 (Từ Cầu Tường Nguyên 440 đến Tổ 9 ấp Phú Hội)	DGT	1,50	Xã Phú Đức	
9	Đường X4 xã Quới Sơn	DGT	0,27	Xã Quới Sơn	
10	Cầu Sông Mã trên đường huyện ĐH.01, huyện Châu Thành	DGT	0,06	Xã Tam Phước	
11	Cầu số 10 trên đường huyện ĐH.01, huyện Châu Thành	DGT	0,06	Xã Tường Đa	
12	Cầu Chợ trên đường huyện ĐH.01, huyện Châu Thành	DGT	0,06	Xã Thành Triệu	
13	Đường ĐA.09	DGT	0,10	Xã Tân Phú	
14	Đường ĐA.03	DGT	0,10	Xã Tân Phú	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

STT	Tên công trình	Loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
15	Đường ĐX.05	DGT	0,12	Xã Tân Phú	
III. Công trình					
1	Khu hành chính UBND xã	TSC	0,18	Xã Phú Đức	
2	Trường Mẫu giáo xã Phú Đức	DGD	0,30	Xã Phú Đức	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Mỹ Phú	DKV	0,05	Xã Tân Phú	
4	Trường Tiểu học Tân Phú	DGD	0,97	Xã Tân Phú	
5	Nhà văn hóa ấp Bình An	DKV	0,02	Xã Tường Đa	
6	Nhà văn hóa ấp Phước Lễ	DKV	0,23	Xã Thành Triệu	
7	Nhà văn hóa ấp Phước Hựu	DKV	0,05	Xã Tam Phước	
8	Nhà văn hóa Tiên Thạnh	DKV	0,03	Xã Tiên Long	
9	Nhà văn hóa ấp Hòa Trung	DKV	0,09	Xã Tường Đa (trước đây là Xã Sơn Hòa)	
10	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh	DKV	0,08	Xã Phú Đức	
11	Nhà văn hóa Châu Thành	DKV	0,06	Xã An Phước	
12	Nhà văn hóa Hòa Trung	DKV	0,09	Xã Tường Đa	

b. Giao đất, cho thuê đất, thuê đất mặt nước bên khách ngang sông, bên thủy nội địa, quỹ đất Nhà nước quản lý: chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

Các trường hợp cho thuê đất, giao đất, *quỹ đất Nhà nước quản lý*: theo danh sách đính kèm (Phụ lục 02.1, Phụ lục 02.2, Phụ lục 02.3).

c. Nhu cầu sử dụng của đất tổ chức

UBND huyện Châu Thành đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thông báo đề người dân được biết nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 theo đúng quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn, UBND huyện giao phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát, xem xét tính phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong năm 2025.

Các khu vực chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, nhất là khu vực đã bố trí các công trình, dự án, nghiêm cấm các trường hợp phân lô bán nền tại những khu vực chưa có quy hoạch khu dân cư.

Đối với những khu vực đã chuyển mục đích sử dụng đất, UBND huyện giao UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục đăng ký biến động, cập nhật hiện trạng sử dụng đất, đảm bảo

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

sự thống nhất giữa hồ sơ pháp lý và hiện trạng sử dụng đất, góp phần ổn định công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện trong thời gian tới.

Bảng 15: Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2025

STT	Nội dung chuyển	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Chuyển mục đích của HGD,CN sang đất trồng cây lâu năm (theo hồ sơ địa chính)	417,32	Các xã, thị trấn
2	Chuyển mục đích của HGD,CN sang đất ở đô thị	3,97	Thị trấn Châu Thành, thị trấn Tiên Thủy
3	Chuyển mục đích của HGD,CN sang đất ở nông thôn	43,19	Các xã
4	Chuyển mục đích của HGD,CN sang thương mại, dịch vụ	20,80	Các xã, thị trấn
5	Chuyển mục đích của HGD,CN sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	20,17	Các xã, thị trấn

*** Ghi chú:** Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất đai 2020, 2021, 2022, 2023 huyện Châu Thành không còn diện tích đất trồng lúa. Theo hồ sơ địa chính vẫn còn đất trồng lúa. Vì vậy, đối với những trường hợp có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa (theo hồ sơ địa chính) sang mục đích sử dụng đất khác sẽ căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để xem xét cho phép chuyển mục đích.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất các năm trước, công trình, dự án đăng ký mới năm 2025 và nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân, UBND huyện Châu Thành tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 như sau:

Bảng 16: Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)		
		Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Tăng (+)
				Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
1	Đất nông nghiệp	16.206,11	16.095,45	-110,66
	Trong đó:			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)		
		Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Tăng (+)
				Giảm (-)
1.1	Đất trồng lúa			
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	52,72	47,04	-5,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	15.951,86	15.844,11	-107,75
1.4	Đất rừng đặc dụng			
1.5	Đất rừng phòng hộ			
1.6	Đất rừng sản xuất			
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	188,52	191,29	2,77
1.8	Đất chăn nuôi tập trung			
1.9	Đất làm muối			
1.10	Đất nông nghiệp khác	13,02	13,02	
2	Đất phi nông nghiệp	6.277,53	6.393,29	115,76
2.1	Đất ở tại nông thôn	1.034,55	1.082,15	47,60
2.2	Đất ở tại đô thị	198,78	204,44	5,66
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,22	16,30	-0,92
2.4	Đất quốc phòng	0,66	5,66	5,00
2.5	Đất an ninh	2,81	4,31	1,50
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	71,18	70,85	-0,23
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	4,51	4,51	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	0,08	0,08	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	8,67	8,54	0,86
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	45,29	46,15	1,83
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	9,09	8,13	-0,96
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	3,54	3,54	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	397,93	464,53	66,60
2.7.1	Đất khu công nghiệp	237,88	237,88	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	41,38	41,38	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	57,37	106,70	49,33
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	61,30	78,57	17,27

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)		
		Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Tăng (+)
				Giảm (-)
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	745,23	557,81	12,25
2.8.1	Đất công trình giao thông	545,56	563,89	19,69
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	179,70	179,94	0,24
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước		0,18	0,18
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	0,06	0,06	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	4,28	8,01	3,73
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	2,98	4,10	1,12
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	1,39	1,39	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	5,43	5,43	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	5,65	7,48	1,83
2.9	Đất tôn giáo	56,86	57,65	0,79
2.10	Đất tín ngưỡng	18,07	17,84	-0,23
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	42,04	42,04	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	3.692,21	3663,03	-29,18
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	0,46	0,46	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	3.691,75	3662,57	-29,18
2.13	Đất phi nông nghiệp khác			
3	Đất chưa sử dụng	5,10		-5,10
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	5,10		-5,10
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng			
3.3	Núi đá không có rừng cây			
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng			

3.3.1. Nhóm đất nông nghiệp

Kế hoạch năm 2025, diện tích đất nông nghiệp là 16.095,45 ha, chiếm 71,57% tổng diện tích tự nhiên, giảm 110,66 ha so với năm 2024. Diện tích đất nông

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

nghiệp giảm do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp để xây dựng các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 15.567,00 ha. Vậy nên, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Cụ thể biến động các chỉ tiêu sử dụng đất thuộc nhóm đất nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:

(1) Đất trồng lúa: Kế hoạch năm 2025, huyện Châu Thành không còn đất trồng lúa.

Hiện trạng sử dụng đất 2024, huyện Châu Thành không còn đất trồng lúa, nhưng thực tế đất trồng lúa trên pháp lý trên địa bàn huyện vẫn còn do phần lớn người dân chưa thực hiện đăng ký biến động sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, đối với những trường hợp có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa (theo bản đồ địa chính) sang mục đích sử dụng đất khác sẽ căn cứ vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất để xem xét cho phép chuyển mục đích.

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân, huyện tổng hợp chỉ tiêu chuyển đổi đất lúa (theo hồ sơ địa chính) đến từng đơn vị hành chính trong năm 2025 như sau:

Bảng 17: Chỉ tiêu sử dụng đất lúa trong năm 2025 theo hồ sơ địa chính

STT	Đơn vị hành chính	Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	Ghi chú
1	Thị trấn Châu Thành	0,14	0,57	
		0,42	9,93	Trước đây là Xã An Khánh
2	Thị trấn Tiên Thủy	1,10	10,45	
3	Xã An Phước	0,10	10,51	
		0,60	25,53	Trước đây là Xã An Hóa
		1,73	31,13	Trước đây là Xã Phú An Hòa
4	Xã Giao Long	2,53	24,17	
5	Xã Hữu Định	3,53	133,95	
6	Xã Phú Đức	0,38	5,07	
7	Xã Phú Túc	0,55	7,06	
8	Xã Quới Sơn	1,80	18,63	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

STT	Đơn vị hành chính	Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	Ghi chú
9	Xã Quới Thành	0,81	16,75	
10	Xã Tam Phước	2,70	35,74	
11	Xã Tân Phú	1,07	8,50	
12	Xã Thành Triệu	0,25	12,90	
13	Xã Tiên Long	0,04	8,46	
14	Xã Tường Đa	0,83	43,05	
		3,89	43,24	Trước đây là Xã An Hiệp
		2,08	20,57	Trước đây là Xã Sơn Hòa

Trong năm 2025, UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động người dân làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác.

(2) Đất trồng cây hằng năm khác: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích là 47,04 ha, chiếm 0,29% diện tích đất nông nghiệp, giảm 5,68 ha so với năm 2024, do chuyển sang các loại đất:

- Đất trồng cây lâu năm 5,03 ha.
- Đất ở tại nông thôn 0,64 ha.
- Đất ở tại đô thị 0,01 ha.

Đất trồng cây hằng năm khác giảm do thực hiện các công trình: để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của người dân.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất trồng cây hằng năm khác đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 0,78 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(3) Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đất trồng cây lâu năm giảm 107,75 ha do chuyển sang:

- Đất nuôi trồng thủy sản 2,77 ha.
- Đất ở tại nông thôn 43,82 ha.
- Đất ở tại đô thị 5,78 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18 ha.
- Đất quốc phòng 5,00 ha.
- Đất an ninh 0,40 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,42 ha. Trong đó:
 - + Đất xây dựng cơ sở y tế 0,01 ha.
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,41 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 35,59 ha. Trong đó:
 - Đất thương mại, dịch vụ 18,32 ha.
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 17,27 ha.
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 17,03 ha. Trong đó:
 - + Đất công trình giao thông 12,28 ha.
 - + Đất công trình thủy lợi 0,33 ha.
 - + Đất công trình xử lý chất thải 3,27 ha.
 - + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 1,12 ha.
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha.
- Đất tôn giáo 0,79 ha.

Đất trồng cây lâu năm giảm do thực hiện các công trình dự án phi nông nghiệp như: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre, xây dựng đường từ cảng Giao Long đến khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07) (giai đoạn 2), trạm trung chuyển rác cánh đồng, Xây dựng Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu cảng Giao Long; Ban Chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành; xây dựng trụ sở và giao đất: Công an xã Hữu Định, Phú Đức, Phước Thạnh, Quới Thành, Quới Sơn; Khu nghỉ dưỡng Forever Green Resort, giao đất cho BQL dự án Thiết chế Công Đoàn ở xã Quới Sơn....., đăng ký chuyển mục đích sang đất ở, đất thương mại trên địa bàn huyện.

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu năm 15.844,70 ha, chiếm 98,44% diện tích đất nông nghiệp.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 15.156,00 ha. Vậy nên, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(4) Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 191,29 ha, tăng 2,77 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm của xã Tiên Long để thực hiện nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân.

Đến năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản 191,29 ha, chiếm 1,19 ha% diện tích đất nông nghiệp.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất trồng nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 394,87 ha. Vậy nên, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(5) Đất nông nghiệp khác: Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp là 13,02 ha. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp khác là 13,02 ha không biến động, chiếm 0,08% diện tích đất nông nghiệp.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 16,11 ha. Vậy nên, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

3.3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Kế hoạch năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp là 6.393,29 ha, chiếm 28,43% tổng diện tích tự nhiên, tăng 115,76 ha so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 6.921,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu thuộc nhóm đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

(1) Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn là 1.082,15 ha, chiếm 16,93% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 47,60 ha so với năm 2024. Biến động đất ở tại nông thôn trong năm 2025 như sau:

- Biến động giảm 0,16 ha, do chuyển sang các loại đất:
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,10 ha.
- + Đất công trình xử lý chất thải 0,06 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn giảm là để thực hiện việc đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của người dân từ đất ở nông thôn sang đất phi nông nghiệp khác, Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre, ...

- Biến động tăng 47,76 ha, do nhận từ các loại đất:
- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,64 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 43,82 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ 3,30 ha.

Diện tích đất ở tăng để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân, thực hiện các công trình dự án và các khu dân cư và giao đất cho BQL dự

án Thiết chế Công Đoàn để xây dựng Khu nhà ở xã hội cho công nhân ở xã Quới Sơn.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, các tổ chức và hộ gia đình cá nhân chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn tại các xã, thị trấn (khu vực ngoài quy hoạch đô thị), trong các khu vực là nông thôn (xen lẫn với đất trồng cây lâu năm) nhưng không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, có vị trí linh hoạt để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất là đất ở nông thôn của người dân. Diện tích đất ở nông thôn tăng tại tất cả các xã trên địa bàn huyện.

Bảng 18: Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2025

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Xã An Phước	1,93	
		1,82	Trước đây là Xã An Hóa
		3,01	Trước đây là Xã Phú An Hòa
2	Xã Giao Long	1,40	
3	Xã Hữu Định	3,49	
4	Xã Phú Đức	1,19	
5	Xã Phú Túc	1,89	
6	Xã Phước Thạnh	8,92	
7	Xã Quới Sơn	4,49	
8	Xã Quới Thành	4,78	
9	Xã Tam Phước	1,98	
10	Xã Tân Phú	1,99	
11	Xã Tân Thạch	1,79	
12	Xã Tiên Long	0,10	
13	Xã Tường Đa	2,06	
		4,83	Trước đây là Xã An Hiệp
		1,61	Trước đây là Xã Sơn Hòa
14	Xã Thành Triệu	1,48	

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất ở tại nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 1.273,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(2) Đất ở tại đô thị: Năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị là 204,44 ha, chiếm 3,19% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 5,66 ha so với năm 2024.

- Biến động giảm 0,13 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,09 ha.

+ Đất thương mại dịch vụ 0,04 ha.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

- Biến động tăng 5,79 ha, do nhận từ các loại đất:
- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,01 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 5,78 ha.

Diện tích đất ở tại đô thị tăng là do phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Tiên Thủy, thị trấn Châu Thành và xã An Khánh (nay nhập vào thị trấn Châu Thành).

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất ở tại đô thị đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 254,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(3) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 16,30 ha, chiếm 0,25% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 0,92 ha so với năm 2024. Biến động diện tích trong năm 2025 như sau:

- Biến động giảm 1,16 ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất an ninh 0,16 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,63 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,11 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,26 ha.
- Đồng thời, biến động tăng 0,24 ha, do nhận từ các loại đất:
- + Đất trồng cây lâu năm 0,18 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,06 ha.

Năm 2025, huyện có các công trình chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan như sau:

Bảng 19: Công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện trong năm 2025

STT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Khu hành chính xã Phú Đức	0,18	Xã Phú Đức	
2	Giao đất cho xã Phú Túc	0,06	Xã Phú Túc	

Theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 18,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(4) Đất quốc phòng: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đất quốc phòng có diện tích là 5,66 ha, tăng 5,00 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm.

Diện tích đất quốc phòng tăng là để thực hiện việc xây dựng Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu cảng Giao Long tại xã Giao Long và xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự huyện tại xã An Khánh.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất quốc phòng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 5,00 ha. Đến năm 2024 đất quốc phòng có diện tích là 5,66 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 0,66 ha là khi Ban Chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành được xây dựng ở địa điểm mới thì địa điểm cũ sẽ bán đấu giá và chuyển sang đất thương mại dịch vụ. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(5) Đất an ninh: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất an ninh là 4,31 ha, tăng 1,50 ha so năm 2024. Biến động tăng của đất an ninh do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây lâu năm 0,40 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,16 ha.
- Đất xây dựng cơ sở y tế 0,14 ha.
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,71 ha.
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,09 ha.

Đất an ninh tăng là để thực hiện việc xây dựng thị trấn Châu Thành, thị trấn Tiên Thủy, xã Hữu Định, xã Tiên Long, xã Phú Túc, xã Giao Long, xã An Phước, xã Phước Thạnh, xã Quới Thành, Thành Triệu và xã Phú Đức, Quới Sơn và xã Tân Phú.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất an ninh đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 18,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(6) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp là 70,95 ha, chiếm 1,11% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 0,23 ha so với năm 2024. Biến động diện tích trong năm 2025 như sau:

* *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 4,51 ha, chiếm 6,35% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp, không có biến động sử dụng đất so với năm 2025.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 5,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất xây dựng cơ sở xã hội*: Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội là 0,08 ha, chiếm 0,11% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp, không có biến động sử dụng đất so với năm 2025.

* *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 8,53 ha, chiếm 12,04 % diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp, giảm 0,14 ha để xây dựng trụ sở công an xã Giao Long và xã Phước Thạnh. Đồng thời tăng 0,01 ha để mở rộng trạm y tế Tiên Long.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 10,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Năm 2025, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo là 46,15 ha, chiếm 65,04% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp, tăng 0,86 ha so với năm 2024. Biến động diện tích trong năm 2025 như sau:

- Biến động giảm 2,14 ha do chuyển sang các loại đất:
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha.
- Đất an ninh 0,71 ha.
- Đất công trình xử lý chất thải 0,28 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1,09 ha.

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm để thực hiện giao đất cho Ủy ban tại xã Phú Túc; giao đất cho công an xây dựng trụ sở thị trấn Châu Thành, xã An Phước, xã Thành Triệu, thị trấn Tiên Thủy, xã Tường Đa; trạm trung chuyển rác cánh tây tại xã An Hiệp (nay là xã Tường Đa) và xây dựng nhà văn hóa ấp các xã Phú Đức, xã Phú Túc, xã Quới Thành và xã Tường Đa.

- Biến động tăng 3,00 ha do nhận từ các loại đất:
- + Đất trồng cây lâu năm 2,38 ha.
- + Đất ở tại đô thị 0,09 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,63 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,87 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng để thực hiện các công trình, dự án theo bảng sau:

Bảng 20: Công trình, dự án đất cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện trong năm 2025

STT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
-----	----------------	----------------	----------	---------

STT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
2	Giao đất trường TH An Hiệp	0,03	Xã Tường Đa (Trước đây là Xã An Hiệp)	
3	Giao đất trường MG An Hóa	0,40	Xã An Hóa	
4	Giao đất trường MG Phú Đức	0,31	Xã Phú Đức	
7	Giao đất trường mầm non Trần Văn Ôn	0,33	Xã Phước Thạnh	
8	Giao đất trường TH Quới Thành	0,65	Xã Quới Thành	
9	Giao đất giáo dục TT Tiên Thủy	0,41	TT. Tiên Thủy	
10	Xây dựng trường TH, trường MG ở Tường Đa	0,87	Xã Tường Đa	
11	Giao đất trường Tiểu học Tân Phú	0,97	Xã Tân Phú	

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 56,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:* Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 8,13 ha, chiếm 11,46% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp, giảm 0,96 ha so với năm 2024, gồm các loại đất.

+ Đất an ninh 0,09 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,87 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giảm là để xây dựng trụ sở công an tại xã Tân Phú và thực hiện việc giao đất cho trường tiểu học, trường mẫu giáo tại xã Tường Đa.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 15,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:* Năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 3,54 ha, chiếm 5,00% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp, không thay đổi so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 5,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

(7) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 464,53 ha, chiếm 7,27% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 66,60 ha so với năm 2024. Biến động diện tích trong năm 2025 như sau:

* **Đất khu công nghiệp:** Năm 2025, diện tích đất khu công nghiệp là 237,88 ha, chiếm 85,18% diện tích khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp, không có biến động sử dụng đất so với năm 2025.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất khu công nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 485,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* **Đất cụm công nghiệp:** Năm 2025, diện tích đất cụm công nghiệp là 41,38 ha, chiếm 14,82% diện tích khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp, không biến động sử dụng đất so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất cụm công nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 50,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đất thương mại, dịch vụ có diện tích 106,70 ha tăng 49,33 ha. Biến động đất thương mại, dịch vụ trong năm như sau:

- Biến động giảm 3,30 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 3,30 ha. Đất thương mại, dịch vụ giảm là để thực hiện giao đất cho Ban Quản lý dự án Thiết chế Công Đoàn ở xã Quới Sơn để thực hiện xây nhà Khu nhà ở xã hội cho công nhân.

- Biến động tăng 52,63 ha do nhận từ các loại đất:

+ Đất trồng cây lâu năm 18,32 ha.

+ Đất ở tại nông thôn 0,10 ha.

+ Đất ở tại đô thị 0,04 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,11 ha.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 28,96 ha.

+ Đất chưa sử dụng 5,10 ha.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đất thương mại, dịch vụ tăng là do việc chuyển mục đích từ đất bằng chưa sử dụng ở xã Tân Thạch sang đất thương mại, dịch vụ và để thực hiện các công trình, dự án như: Khu nghỉ dưỡng Forever Green Resort, Dự án Cồn Qui, kêu gọi đầu tư du lịch Vàm Hàm Long ... Bên cạnh đó đất thương mại, dịch vụ tăng do đăng ký chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ trên địa bàn các xã, thị trấn theo các tuyến giao thông chính và các khu đô thị của huyện nhưng không ảnh hưởng đến các công trình công

cộng, có vị trí linh hoạt để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cụ thể, diện tích theo từng đơn vị hành chính như sau:

Bảng 21: Đăng ký nhu cầu đất thương mại - dịch vụ

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đăng ký chuyển mục đích (ha)	Ghi chú
1	Xã An Phước	0,25	
		0,10	Trước đây là Xã An Hóa
		0,04	Trước đây là Xã Phú An Hòa
2	Xã Giao Long	1,04	
3	Xã Hữu Định	3,25	
4	Xã Phú Đức	0,12	
5	Xã Phú Túc	0,46	
6	Xã Phước Thạnh	0,31	
7	Xã Quới Sơn	0,23	
8	Xã Quới Thành	0,05	
9	Xã Tam Phước	0,60	
10	Xã Tân Phú	2,05	
11	Xã Tân Thạch	0,5	
12	Xã Tiên Long	0,19	
13	Thị trấn Tiên Thủy	0,19	
14	Thị trấn Châu Thành	0,20	
		4,91	Trước đây là Xã An Khánh
15	Xã Thành Triệu	1,85	
16	Xã Tường Đa	1,10	Trước đây là Xã An Hiệp
		0,05	Trước đây là Xã Sơn Hòa

Đến năm 2025, diện tích đất thương mại - dịch vụ có diện tích là 106,70 ha, chiếm 20,88% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất thương mại - dịch vụ đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 213,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:* Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 17,27 ha lấy từ đất trồng cây lâu năm .

Đến năm 2025 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng là do việc đăng ký chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn các xã, thị trấn ở theo các tuyến giao thông chính và các khu đô thị của huyện nhưng không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, có vị trí linh hoạt để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, như sau:

Bảng 22: Danh sách đăng ký nhu cầu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Xã An Phước	0,59	
		0,24	Trước đây là Xã An Hóa
		0,39	Trước đây là Xã Phú An Hòa
2	Xã Giao Long	2,49	
3	Xã Hữu Định	1,79	
4	Xã Phú Đức	0,38	
5	Xã Phú Túc	0,21	
6	Xã Phước Thạnh	1,35	
7	Xã Quới Sơn	0,74	
8	Xã Quới Thành	2,58	
9	Xã Tam Phước	0,59	
10	Xã Tân Phú	0,11	
11	Xã Tân Thạch	0,10	
12	Xã Thành Triệu	0,59	
13	Xã Tiên Long	0,75	
14	Xã Tường Đa	0,74	Trước đây là Xã Sơn Hòa
		2,02	Trước đây là Xã An Hiệp
15	Thị trấn Tiên Thủy	0,42	
16	Thị trấn Châu Thành	1,19	Trước đây là Xã An Khánh

Đến năm 2025, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 78,57 ha, chiếm 14,61% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 104,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:* sử dụng đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối để khai thác mỏ cát với diện tích 153,724 ha tại xã Quới Sơn và xã Phú Đức.

(8) Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đất sử dụng vào mục đích công cộng có diện tích là 764,40 ha, chiếm 11,96% diện tích đất phi nông nghiệp, biến động tăng 19,17 ha so với năm 2024. Kế hoạch thực hiện các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng như sau:

* *Đất giao thông:* Năm 2025, diện tích đất giao thông là 557,81 ha, chiếm 72,79% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, tăng 12,28 ha so với năm 2024. Diện tích đất giao thông trong năm kế hoạch tăng để thực hiện cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình, dự án như: xây dựng đường từ cảng Giao Long đến khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07) (giai đoạn 2) và các tuyến đường ở xã Giao Long, xã Phú Đức, xã Phước Thạnh, xã Quới Thành, xã Tường Đa, xã Thành Triệu, xã Tiên Long, xã Tân Phú, thị trấn Châu Thành để thực hiện các công trình, dự án đất giao thông theo bảng sau:

Bảng 23: Công trình, dự án đất giao thông thực hiện trong năm 2025

STT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Xây dựng đường từ cảng Giao Long đến khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07)	0,30	Xã Giao Long	Đăng ký mới
2	Đường 3-2 thị trấn Châu Thành	0,19	TT Châu Thành	Đăng ký mới
3	Đường số 11 – GD3 thị trấn Châu Thành	0,388	TT Châu Thành – Phú An Hòa	Đăng ký mới
4	Đường ĐA.04 thị trấn Tiên Thủy (Đường cặp kênh Tre Bông thuộc Khu Phố Tiên Tây Thượng)	0,636	TT Tiên Thủy	Đăng ký mới
5	Đường ĐX.03 thị trấn Tiên Thủy	0,33	TT Tiên Thủy	Đăng ký mới
6	Đường ĐX.05 (Từ ĐH.03 đến giáp cầu Đức)	0,55	Xã Giao Long	Chuyển tiếp
7	Đường ĐX.06 (Từ ĐH.03 đến giáp ĐH.DK.13)	1,06	Xã Giao Long	Chuyển tiếp
8	Đường ĐA.04 (Điểm đầu giáp QL.57B, điểm cuối giáp Sông Tiền)	0,98	Xã Phú Đức	Chuyển tiếp
9	Đường ĐA.05 (Từ giáp ĐT.DK07 đến ĐA.01 Sông Ba Lai)	4,56	Xã Phú Đức	Đăng ký mới
10	Đường ĐC.06 (Từ ĐX.02 đến đường ĐC.10)	2,8	Xã Phú Đức	Đăng ký mới

STT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
11	Đường ĐC.08 (Từ Cầu Tường Nguyên 440 đến Tổ 9 ấp Phú Hội)	1,50	Xã Phú Đức	Đăng ký mới
12	Đường ĐA.03, đường liên ấp Phước Thiện – Phước Định (Từ giáp ĐA.01 đến giáp ĐX.01 và nhánh rẽ ra trường Mầm non Trần Văn Ôn)	0,91	Xã Phước Thạnh	Chuyển tiếp
13	Đường X4 xã Quới Sơn	0,27	Xã Quới Sơn	Đăng ký mới
14	Đường ĐX.03 (Từ giáp QL.57C đến giáp Lộ Thờ xã Thành Triệu)	1,78	Xã Quới Thành - Thành Triệu	Chuyển tiếp
15	Nâng cấp mở rộng Đường ĐX.01 (Đoạn từ ĐH.01 đến giáp QL.57C)	3,91	Xã Quới Thành - Tiên thủy	Chuyển tiếp
16	Đường ĐA.13 (Điểm đầu giáp QL.57C, điểm cuối giáp ấp Tân Đông xã Tân Phú)	1,24	Xã Quới Thành	Chuyển tiếp
17	Cầu Sông Mã trên đường huyện ĐH.01, huyện Châu Thành	0,06	Xã Tam Phước	Đăng ký mới
18	Đường ĐA.01 (từ Đường QL.57B đến ranh xã Tiên Long)	1,60	Xã Tân Phú	Chuyển tiếp
19	Đường ĐX.03 (Từ ranh xã Tiên Thủy đến giáp nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1)	2,88	Xã Tiên Long - Tiên Thủy	Chuyển tiếp
20	Đường ĐA.01 (Từ giáp ĐX.01 đến giáp rạch Cái Cam xã Tiên Thủy)	1,78	Xã Tiên Long - Tiên Thủy	Chuyển tiếp
21	Đường ĐX.04 (từ nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1 đến ĐH.DK.19)	1,30	Xã Tiên Long - Tân Phú	Chuyển tiếp
22	Cầu số 10 trên đường huyện ĐH.01, huyện Châu Thành	0,06	Xã Tường Đa	Đăng ký mới
23	Cầu Chợ trên đường huyện ĐH.01, huyện Châu Thành	0,06	Xã Thành Triệu	Đăng ký mới
24	Đường ĐA.09	0,10	Xã Tân Phú	Đăng ký mới
25	Đường ĐA.03	0,10	Xã Tân Phú	Đăng ký mới
26	Đường ĐX.05	0,12	Xã Tân Phú	Đăng ký mới

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất giao thông đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành có là diện tích 595,86 ha. Vậy nên, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất thủy lợi*: Năm 2025, diện tích đất thủy lợi là 179,94 ha, chiếm 23,31% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, tăng 0,24 ha so với năm 2024. Biến động diện tích trong năm 2025 như sau:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

- Biến động giảm 0,12 ha, do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải 0,12 ha.
- Biến động tăng 0,36 ha, do nhận từ:
 - + Đất trồng cây lâu năm 0,33 ha.
 - + Đất giao thông 0,03 ha.

Diện tích đất thủy lợi tăng do thực hiện các công trình Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bắc, Nam Bến Tre thuộc xã Tân Phú.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất thủy lợi đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 195,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* Đất công trình cấp nước, thoát nước: Năm 2025, diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước là 0,18 ha, chiếm 0,02% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, không có biến động sử dụng đất so với năm 2024.

* *Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:* Năm 2025, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 0,06 ha, chiếm 0,01% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, không có biến động sử dụng đất so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 1,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất công trình xử lý chất thải:* Năm 2025, diện tích đất công trình xử lý chất thải là 8,01 ha, chiếm 1,04% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, tăng 3,73 ha so với năm 2024.

Biến động tăng do nhận từ các loại đất:

- + Đất trồng cây lâu năm 3,27 ha.
- + Đất ở tại nông thôn 0,06 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,28 ha.
- + Đất thủy lợi 0,12 ha.

Đất bãi thải, xử lý chất thải tăng để thực hiện để xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre và cho thuê đất đối với Dự án Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre tại xã Hữu Định, trạm trung chuyển rác cánh tây tại xã Tường Đa (trước đây là xã An Hiệp) và trạm trung chuyển rác cánh đông tại xã Giao Long.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 25,21 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

* *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng*: Năm 2025, diện tích đất công trình năng lượng là 4,10 ha, chiếm 0,53% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, tăng 1,12 ha so với năm 2024, do nhận từ đất trồng cây lâu năm 1,12 ha.

Diện tích đất công trình năng lượng tăng để thực hiện các công trình, dự án theo bảng sau:

Bảng 24: Công trình, dự án đất công trình năng lượng thực hiện trong năm 2025

STT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Phân pha dây dẫn đường dây 110 kV từ 175 Bến Tre 2 -Giồng Trôm (trụ 130A)	1,77	Xã Hữu Định - Huyện Châu Thành	
2	Đường dây 110kV Giao Long - 110kV Phú Thuận	0,80	Xã Giao Long, Xã An Phước (trước đây là Xã An Hóa)	
3	Đường dây 220kV Bình Đại - Bến Tre	3,50	Xã Hữu Định	
4	Xây dựng 110kV mạch kép từ Trạm 220kV Bến Tre đi Trạm 220kV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240	1,35	Xã An Khánh (nay là TT Châu Thành), xã Tam Phước, xã Hữu Định	

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất công trình năng lượng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 4,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin*: Năm 2025, diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin là 1,39 ha, chiếm 0,18% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, không có biến động sử dụng đất so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 2,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

* *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*: Năm 2025, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối là 5,43 ha, chiếm 0,70% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, không thay đổi so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 7,13 ha.

Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:* Năm 2025, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng là 7,48 ha, chiếm 0,97% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 1,42 ha so với năm 2024. Biến động tăng do nhận từ các loại đất:

- Đất trồng cây lâu năm 0,03 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,26 ha.
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,09 ha.
- Đất tín ngưỡng 0,23 ha.
- Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 0,22 ha.

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng tăng để thực hiện các công trình, dự án theo bảng sau:

Bảng 25: Công trình, dự án đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng thực hiện trong năm 2025

ST T	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Nhà văn hóa Châu Thành	0,06	Xã An Phước	
2	Nhà văn hóa Hòa Trung	0,09	Xã Tường Đa	
3	Nhà văn hóa – khu thể thao ấp Phước Hậu	0,04	Xã Tam Phước	
4	Nhà văn hóa ấp Phước Hựu	0,05	Xã Tam Phước	
5	Nhà văn hóa – Khu TT ấp Phú Hòa	0,12	Xã Quới Thành	
6	Nhà văn hóa ấp Phú Tường	0,15	Xã Phú Đức	
7	Nhà văn hóa ấp Phú Long	0,37	Xã Phú Đức	
8	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh	0,09	Xã Phú Đức	
9	Nhà văn hóa – Khu TT ấp Phú Tường	0,11	Xã Phú Túc	
10	Nhà văn hóa – Khu TT ấp Phú Xuân	0,06	Xã Phú Túc	
11	Nhà văn hóa – Khu TT ấp Phú Tân	0,22	Xã Phú Túc	
12	Nhà văn hóa ấp của xã Tường Đa	0,21	Xã Tường Đa	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Mỹ Phú	0,05	Xã Tân Phú	
14	Nhà văn hóa ấp Tân Phong Ngoại	0,04	Xã Tân Thạch	
15	Nhà văn hóa ấp Phước Lễ	0,23	Xã Thành Triệu	

ST T	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
16	Nhà văn hóa Tiên Thạnh	0,04	Xã Tiên Long	

(9) Đất tôn giáo: Năm 2025, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 57,65 ha, chiếm 0,90% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp, tăng 0,79 ha so với năm 2024 do được nhận từ đất trồng cây lâu năm.

Đất tôn giáo tăng là để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích để xây dựng chùa Kiến Long, chùa Bảo Tâm tại xã Quới Thành, chùa Phước Linh tại xã Hữu Định.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất cơ sở tôn giáo đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 58,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(10) Đất tín ngưỡng: Năm 2025, diện tích đất tín ngưỡng là 18,07 ha, chiếm 0,28% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp, không thay đổi so với năm 2024.

(11) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt là 42,04 ha, chiếm 0,66% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp, không thay đổi so với năm 2024.

Ngoài ra, theo chỉ tiêu sử dụng đất được cấp trên phân bổ, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành là 44,00 ha. Vì vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện vẫn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

(12) Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 3.663,03 ha, chiếm 57,29% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 29,18 ha so với năm 2024. Kế hoạch thực hiện các loại đất có mặt nước chuyên dùng như sau:

* **Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Năm 2025, diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 3.662,57 ha, chiếm 99,99% diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, giảm 29,18 ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án và phục vụ việc kêu gọi đầu tư du lịch Vàm Hàm Long và dự án Cồn Qui.

- Đất thương mại, dịch vụ 28,96 ha.

- Đất đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,22 ha.

* **Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:** Năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá là 0,46 ha, chiếm 0,01% diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, không thay đổi so với năm 2024.

3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Năm 2025, huyện Châu Thành tiếp tục đưa 5,10 ha đất chưa sử dụng tại xã Tân Thạch vào sử dụng, dự kiến chuyển sang đất thương mại, dịch vụ.

3.5. Diện tích cần thu hồi

Tổng diện tích đất phải thu hồi đất thực hiện các công trình năm 2025 là 22,60 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp thu hồi là 22,39 ha, gồm:
 - + Đất trồng cây lâu năm: 22,39 ha.
- Đất phi nông nghiệp thu hồi là 0,21 ha, gồm:
 - + Đất ở tại nông thôn: 0,06 ha.
 - + Đất công trình giao thông: 0,03 ha.
 - + Đất công trình thủy lợi: 0,12 ha.

3.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	110,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	110,01
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	
3	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		32,63

Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp 110,66 ha. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,65 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 110,01 ha.

Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 32,63 ha.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025:

Bảng 26: Tổng hợp danh mục các công trình, dự án

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng cộng		Đăng ký mới năm 2025		Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2024	
			Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		60	52,48	36	117,91	24	31,64
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh							
	Tổng		16	6,60	9	1,03	7	5,57
1	Đất quốc phòng	CQP	2	5,00			2	5,00
2	Đất an ninh	CAN	7	1,60	9	1,03	5	0,57
II	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất							
	Tổng		44	45,88	27	116,88	17	26,07
1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2	1,27	2	1,27		
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1	0,18	1	0,18		
3	Đất giao thông	DGT	26	33,57	15	17,89	11	15,78
4	Đất thủy lợi	DTL	1	0,56			1	0,56
5	Đất công trình năng lượng	DNL	4	6,49			4	6,49
6	Đất bãi thải, xử lý rác thải	DRA	1	3,24			1	3,24
7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	9	0,70	9	0,70		

(Danh mục chi tiết các công trình, dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện tại Biểu 25/CH).

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Căn cứ pháp lý ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành dựa trên cơ sở:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định về giá các loại đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2024;

- Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 – 2024;

- Công văn số 7456/UBND-TCĐT ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc tiếp tục áp dụng Bảng giá đất đã ban hành để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh.

3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Dự kiến các khoản thu: Theo quy định của Luật Đất đai hiện hành, các nguồn thu từ đất bao gồm: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai, xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai, bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai, phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất, thu tiền bảo vệ, phát triển đất lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Dự kiến các khoản chi: Các khoản chi liên quan đến đất đai bao gồm chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3.8.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Phương pháp tính

* Đối với các khoản thu:

- Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn: 360.000 đồng/m².

- Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị: Tính bình quân 432.000 đồng/m².

- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được tính bình quân 216.000 đồng/m² đối với khu vực nông thôn và 259.000 đồng/m² đối với khu vực thị trấn.

- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ được tính bình quân 288.000 đồng/m² đối với khu vực nông thôn và 340.000 đồng/m² đối với khu vực thị trấn.

- Thu tiền phí lệ phí khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thu tiền bảo vệ, phát triển đất lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

* Đối với các khoản chi:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa tính bình quân 105.600 đồng/m² trên địa bàn các xã và 147.400 đồng/m² đối với thị trấn Châu Thành.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm tính bình quân 105.600 đồng/m² trên địa bàn các xã và 147.400 đồng/m² đối với thị trấn Châu Thành.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm tính bình quân 121.600 đồng/m² trên địa bàn các xã và 238.000 đồng/m² đối với thị trấn Châu Thành.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản tính bình quân 100.400 đồng/m² trên địa bàn các xã và 140.000 đồng/m² đối với thị trấn Châu Thành.

- Chi bồi thường đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được tính bình quân 216.000 đồng/m² trên địa bàn các xã và 259.000 đồng/m² đối với thị trấn Châu Thành.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, đất xây dựng cơ sở y tế được tính bằng 70% giá đất ở.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại nông thôn được tính bình quân 360.000 đồng/m².

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại đô thị được tính bình quân 432.000 đồng/m².

- Chi bồi thường khi thu hồi đất cơ sở tôn giáo, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng được tính bằng 80% giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Giá đất cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể nên không đưa vào tính toán cân đối thu chi.

- Những công trình, dự án khi thực hiện mà nhân dân hiến đất không đưa vào tính toán và cân đối thu chi từ đất.

b. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất

Bảng 27: Tính toán và cân đối thu chi từ đất

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
I	Các khoản thu			274.943.084.000
1	Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn			115.635.360.000
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	0,64	202.800,00	1.297.920.000
1.2	Đất trồng cây lâu năm	47,76	239.400,00	114.337.440.000
2	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất lúa khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn			
3	Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị			112.160.460.000
3.1	Đất trồng cây hàng năm khác	0,01	284.600,00	28.460.000
3.2	Đất trồng cây lâu năm	5,78	194.000,00	112.132.000.000
4	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất lúa khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị			0
5	Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn			30.484.480.000
	Đất trồng cây lâu năm	18,32	166.400,00	30.484.480.000
6	Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất thương mại, dịch vụ tại đô thị			357.000.000
	Đất trồng cây lâu năm	0,35	102.000,00	357.000.000
7	Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại nông thôn			16.227.360.000
	Đất trồng cây lâu năm	17,27	94.400,00	16.302.880.000
8	Thu phí, lệ phí khi giao đất cho tổ chức	9,68	300.000,00	2.904.000

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
II	Các khoản chi			262.809.400.000
1	Chi bồi thường đất trồng cây lâu năm ở tại nông thôn	0,65	121.600,00	790.400.000
2	Chi bồi thường đất trồng cây lâu năm ở đô thị	56,57	238.000,00	134.636.600.000
3	Chi bồi thường đất thương mại dịch vụ ở đô thị	3,33	340.000,00	11.322.000.000
4	Chi bồi thường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại nông thôn	2,77	216.000,00	5.983.200.000
5	Chi bồi thường đất giao thông	10,46	216.000,00	22.593.600.000
6	Chi bồi thường đất thủy lợi	1,66	216.000,00	3.585.600.000
7	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại nông thôn	0,06	360.000,00	216.000.000
8	Chi bồi thường khi thu hồi đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,11	252.000,00	277.200.000
9	Chi bồi thường đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	28,96	288.000,00	83.404.800.000
	Cân đối thu - chi (I - II)			12.133.684.000

Trên đây chỉ là dự kiến thu chi dựa trên khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung và giá trên thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất

- Quy hoạch, kế hoạch, dự án và hoạt động có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất, có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ môi trường đất;
- Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do mình gây ra;
- Điều tra, đánh giá, phân loại khu vực ô nhiễm môi trường đất, xác định nguyên nhân, phạm vi và mức độ ô nhiễm, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.
- Thực hiện biện pháp kiểm soát khu vực ô nhiễm môi trường đất gồm khoanh vùng, cảnh báo, không cho phép hoặc hạn chế hoạt động nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe con người;
- Lập, thực hiện phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất; ưu tiên xử lý các khu vực có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng, ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng;
- Quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường đất sau xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

4.1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm các qui định pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tổ chức giám sát chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và vận hành công trình xử lý chất thải, nước thải, khí thải, ... của các dự án sản xuất, kinh doanh; kiên quyết dừng hoạt động đối với các dự án chưa đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình xử lý chất thải, nước thải, khí thải hoặc đã đầu tư nhưng vận hành không đúng theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giám sát chặt chẽ hoạt động xả rác thải, nước thải, khí thải của các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các cơ sở sản xuất ven sông, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;
- UBND huyện kết hợp với các cơ quan quản lý liên ngành tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; chủ động phòng ngừa, kịp thời ứng phó với các sự cố về môi trường trên địa bàn quản lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường; tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo kịp thời về ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;
- Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

- Lãnh đạo UBND huyện chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các vi phạm theo thẩm quyền; tăng cường chỉ đạo nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường, đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo các cấp có thẩm quyền để chỉ đạo giải quyết, khắc phục, tuyệt đối không để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn;

- Tăng cường công tác vận động, khuyến khích, xúc tiến đầu tư, huy động đa dạng nguồn vốn để đầu tư các công trình xử lý chất thải, nước thải trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư; xây dựng kế hoạch tổ chức di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, đặc biệt là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề ven sông; tổ chức di dời các trang trại chăn nuôi trong khu dân cư đến vị trí phù hợp, bảo đảm không ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người dân;

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong quản lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng các giải pháp bảo vệ môi trường đô thị và các khu công nghiệp, làng nghề, các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường tác hại của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người, từ đó hạn chế xả thải nước ô nhiễm và chất thải ra môi trường;

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

4.2. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.2.1. Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức công bố, công khai kế hoạch theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng kế hoạch được duyệt;

- UBND các xã, thị trấn chủ động, tích cực tuyên truyền, vận động người dân đăng ký chuyển mục đích đối với phần diện tích đất đã chuyển mục đích sử dụng nhưng chưa đăng ký biến động, đặc biệt là đất trồng lúa chuyển sang các loại đất khác như đất trồng cây lâu năm, đất ở nông thôn,... với những trường hợp phù hợp quy hoạch sử dụng đất được duyệt;

- Đẩy mạnh công tác phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai đến từng người dân; tuyên truyền, vận động người dân không thực hiện san lấp mặt bằng trên đất nông nghiệp nhằm mục đích phân lô, bán nền...;

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư... đặc biệt là đối với các công trình thu hồi đất trọng điểm được thực hiện trên địa bàn để người dân hiểu và đồng tình thực hiện.

4.2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ, tập huấn chuyên môn, chính sách mới đến từng cán bộ phụ trách công tác quản lý đất đai;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, phân công công chức, viên chức theo dõi địa bàn nắm tình hình, sớm phát hiện và xử lý nghiêm ngay từ cơ sở các vi phạm theo thẩm quyền, kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý kịp thời, triệt để vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Đề nghị chủ đầu tư của các công trình khi đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, đặc biệt là các công trình do cấp trên đầu tư trên địa bàn;

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, tiếp tục tổ chức bán đấu giá hoặc cho thuê các thửa đất công có vị trí thuận lợi như dọc theo các trục giao thông, trung tâm các xã, các chợ, đất ở đô thị để tăng nguồn thu ngân sách, phát triển thương mại dịch vụ...;

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: Giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, ...nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trên địa bàn.

4.2.3. Giải pháp về chính sách

- Kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, thủ tục hành chính đối với những nhà đầu tư có khả năng đầu tư các dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ;

- Vấn đề bồi thường đất đai cần phải được thực hiện công khai, thực hiện đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp xã, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật;

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã, thị trấn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện;

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy định của Pháp luật;

- Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả; Kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai;

- Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, xác định giá đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, bảo đảm quy trình và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát lại các trường hợp đã chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa đăng ký chỉnh lý biến động theo quy định của Luật Đất đai. Tổ chức giải thích, vận động người dân thực hiện đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, từng bước thu hẹp sự sai khác về diện tích giữa các loại đất theo pháp lý (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và theo hiện trạng sử dụng đất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành được xây dựng theo phương pháp luận về lập kế hoạch sử dụng đất cho cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, nên đảm bảo tính toán một cách hệ thống và đầy đủ các loại đất, làm cho sử dụng đất đai trong năm 2024 của huyện triệt để và có cơ sở để phân bổ quỹ đất cho các ngành quản lý sử dụng.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành được xây dựng trên cơ sở phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, sự biến động về sử dụng các loại đất của huyện trong những năm qua; trên cơ sở xử lý, tổng hợp nhu cầu của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương trên địa bàn. Do đó, kế hoạch đảm bảo tính hệ thống, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành đã tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân và chỉ rõ địa điểm, quy mô cho từng khu vực. Đây là một trong những kết quả phục vụ thiết thực cho việc thực hiện thu hồi đất, thuê đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành trình bày trong báo cáo đã được lấy ý kiến và thống nhất với các ngành có nhu cầu sử dụng đất và các cơ quan quản lý kinh tế của huyện và đã được lãnh đạo huyện xem xét, cân nhắc đến việc bố trí đất đai cho từng hạng mục công trình cả về địa điểm và quy mô đất đai. Do đó, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành là cơ sở để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên, vừa đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, góp phần nâng cao hơn nữa tính thực tiễn và khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

2. Kiến nghị

Kiến nghị các Sở, Ban, ngành các cấp khi đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cần cung cấp đầy đủ các thông tin của dự án như cơ sở pháp lý, nguồn vốn, tiến độ thực hiện, diện tích và bản vẽ vị trí công trình, dự án. Đối với các công trình đã đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các chủ đầu tư cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và báo cáo tiến độ về Ủy ban nhân dân huyện để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn, hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý đất trồng lúa ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ cũ) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân vì hiện trạng ngoài đất, huyện Châu thành hiện nay không còn đất trồng lúa. Do đất trồng lúa trên địa bàn huyện Châu Thành năng suất thấp, khó khăn về nguồn nước tưới, sâu bệnh

nhiều, nên người dân đã tự chuyển đổi sang đất trồng cây lâu năm (cây dừa). Đối với các trường hợp hiện trạng sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đồng loạt từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, không phải đăng ký nhu cầu xin chuyển mục đích sử dụng đất.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, các ngành tỉnh quan tâm, tạo điều kiện bố trí kịp thời nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2025 huyện Châu Thành để tạo tiền đề cho việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

BIỂU SỐ LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành
2	Biểu 04/CH	Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước/kế hoạch sử dụng đất năm trước huyện Châu Thành
3	Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành
4	Biểu 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 huyện Châu Thành
5	Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Châu Thành
6	Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành
7	Biểu 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành
8	Biểu 25/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Châu Thành